

NGUYỄN HIẾN LÊ

ĐÉ THIỀN
ĐÉ THÍCH

du ký

Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin
1993

Lời nhà xuất bản

Văn du ký nếu khéo viết thì có thể đẹp như thơ, vui như tiểu thuyết, mà lại ghi chép được thiên nhiên, xã hội, tình cảm một cách trung thực hơn hoặc dồi dào hơn thơ và tiểu thuyết. Vì vậy mà cho tới thế kỷ trước, thể đó rất được trọng ở phương Đông cũng như phương Tây.

Liễu Tôn Nguyên nổi danh là nhà viết du ký có tài nhất của Trung Hoa; Tô Đông Pha, Vương An Thạch đều lưu lại những bài du ký ngắn bất hủ. Chateaubriand, Lamartine, Victor Hugo, Pierre Loti du lịch Hy Lạp, La Mã hoặc Cận Đông, Viễn Đông,... đều tặng cho nhân loại những tác phẩm có giá trị về văn chương, xã hội học.

Qua thế kỷ XX, bắt đầu từ giữa hai thế chiến, thể đó đã hơi thay đổi. Các văn nhân thi sĩ vẫn còn ham du lịch, nhưng ngay cả Paul Morand và André Gide cũng không nhầm cái mục đích thường ngoạn nữa mà đã mang theo hành lý nhiều nỗi thắc mắc về thời cuộc, xã hội, chính trị. Từ sau thế chiến thứ nhì, thể đó gần như mất hẳn: bây giờ người ta lên phi cơ không phải để du lịch nữa mà để điều tra, phòng vấn; tiếng nhạc của thiên nhiên và tiếng nhạc của lòng đã bị những tiếng ồn ào trong các hội nghị, tiếng hò hét trong các cuộc mít-tinh và tiếng bom đạn, phi cơ phản lực át mắt!

Cho nên trong cái rừng sách của phương Tây mà gấp, được một cuốn như **Mùa Xuân Ả Rập** (*Un Printemps Arabe*) của Benoist Méchin thì thú vô ngàn. Đoạn ông tả cảnh Eden ở Mésopotamie nên thơ làm sao!

Ở nước ta, hồi tiền chiến, chỉ có vài ba nhà viết du ký, nổi danh với các cuốn **Chơi Hồ Ba Bể** và **Sau Dãy Trường Sơn**, tuy có hính thú nhưng ngọn bút lại kém luyện.

NGUYỄN HIẾU LÊ

Từ sau thế chiến, thể du ký cũng theo trào lưu chung mà chìm hẳn: lác đác trên báo có ít bài, phóng sự nhiều hơn là du ký; còn in thành sách thì toàn là loại địa phương chí. Duy có cuốn **Bảy Ngày Trong Đồng Tháp Mười** của ông Nguyễn Hiếu Lê là có tính cách vừa du ký vừa biên thảo. Hoàn toàn là du ký thì có lẽ chỉ có cuốn **Dế Thiên Dế Thích** mà hôm nay chúng tôi cho ra mắt độc giả, nhưng cuốn này cũng lại viết từ giữa chiến tranh.

Ông Nguyễn Hiếu Lê viết nó năm 1943, rồi gấp hồi kháng chiến, tan cư, may mà mang theo và giữ lại được. Từ khi hồi cư, mấy chục năm nay, ông không nghĩ tới chuyện xuất bản, cho rằng không hợp thời. Vả lại ngay khi viết ông cũng không tính tới việc in, ông bảo: “Viết để kéo dài cái cảm giác thích thú trong khi du lịch, bấy nhiêu đủ rồi”.

Nhà xuất bản chúng tôi nghĩ **Dế Thiên Dế Thích** ở sát nước ta mà nhiều người không được biết, khi đất nước bạn thanh bình rồi chắc nhiều người cũng muốn thăm; nhất là nghĩ loại du ký vắng bóng trên văn đàn thì cũng là điều đáng tiếc, nên xin phép thân nhân gia đình tác giả cho xuất bản tập mỏng này.

Theo ý thân nhân tác giả, chúng tôi giữ đúng lời văn hồi trẻ của ông nên không sửa lại bản cũ.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Vài lời thưa trước

Tập du ký này viết từ năm 1943, đã đăng trên nhật báo Việt Thanh cách đây bảy năm. Hồi viết, chúng tôi dùng những tài liệu lịch sử trong cuốn *Guide Groslier*. Sau thế chiến vừa rồi, ông G. Coedes trong cuốn *Pour mieux comprendre Angkor* và ông Maurice Glaize trong cuốn *Les monuments du group d'Angkor* đã đính chính vài chỗ sai lầm của Groslier. Chúng tôi dùng hai cuốn này để sửa chữa bản thảo và mong rằng có thể giúp độc giả hiểu một cách rất sơ sài nhưng gần đúng về Đề Thiên Đề Thích, một cảnh đại quan vào bậc nhất thế giới, cách Sài Gòn không bao xa, mà theo chỗ chúng tôi biết thì từ trước tới nay chưa có du khách Việt nào viết về nó cả.

Sài Gòn, ngày 19 - 10 - 1960

NGUYỄN HIẾN LÊ

Toàn cảnh Angkor



CHƯƠNG MỘT

TỪ SÀI GÒN TỚI SIEMREAP

SÀI GÒN NAM VÀNG

Mấy lần định đi coi phế tích Đế Thiêng Đế Thích mà không thành. Lần này không định đi thì thành. Sở có chút việc ở Nam – Vang và Siemreap; tại Siemreap lại có ông bạn vừa là đồng song vừa là đồng nghiệp hai lần viết thư mời lên chơi, thực không còn cơ hội nào tốt hơn nữa.

Tôi khởi hành ở Sài Gòn 21-1-1943, nhằm ngày 16 tháng chạp âm lịch.

Xe ra khỏi châu thành Svayrieng thì trăng tròn vành vạnh lơ lửng ở trên những ngọn cây thốt nốt¹ thưa thớt trên một cánh đồng phẳng lì vì mênh mông. Cánh đồng Cao miên có đặc điểm này: là đồng mà vẫn là vườn, bát ngát mà nhìn không mỏi mắt, nhờ những thân thốt nốt cao thấp, thăng trầm đưa lên trời xanh những chùm lá tựa như ngọn chổi. Tới mùa mưa, đây đó trên thảm lúa xanh, hiện lên những vũng xinh xinh phản chiếu bóng sen đò và cò trăng.

Qua khói đò Kim Long, cảnh thay đổi hẳn: đường chạy men sông Cửu Long, hai bên đất cát phì nhiêu, toàn là vườn như miền Cần Thơ, Sa Đéc. Tuy thiếu những rạch nho nhỏ và những cầu gỗ khom khom mà ta thường gặp ở miền Hậu Giang, nhưng trong đám xoài xanh thẳm thường ló ra một mái cong cong hoặc một ngọn tháp nhọn của ngôi chùa Miên, trông cũng lạ mắt. Bên cạnh chùa là những rặng gòn thưa thưa như đăng ten. Cảnh có vẻ thanh tú, thân mật mà nên thơ.

NAM VANG Tôi ở lại Nam Vang một ngày làm việc sở. Năm giờ
SIEMREAP chiều lên xe đi Siemreap. Phải đưa thẻ căn cước cho một nhân
viên công an biên số, cũng như khi ở Sài Gòn lên xe đi Nam Vang. Lượt về cũng
vậy.

¹ có người gọi là thót lốt

Ra khỏi thành phố Nam Vang, xe chạy theo bờ sông Tonlé-Sáp. Bên trái là một cánh đồng mới bắt đầu khai phá, dày cỏ lát và điểm vài đám mạ. Bên phải là vườn tược, ít sửa sang nhưng đồng đúc. Nhà sàn đều không hiên, ít cửa, trơ trên như hộp gỗ. Thỉnh thoảng qua hàng cây thưa, mặt sông hiện ra, phảng lặng và xanh ngắt với hằng trăm cánh chim loang loáng. Có điều khó chịu là trên mười lăm cây số, không khí tanh hôi, lợm giọng: mùa này người Miên làm mắm, nhà nào cũng có một đống cá ở trước cửa.

Qua bến đò Kompong Luong (Kompong Luong nghĩa là bến đò nhà vua – hồi xưa kinh đô Cao Miên ở Oudong, trên bến đò này vài cây số), đường xe rời bờ sông mà đi sâu vào trong đồng. Cảnh khô khan hơn nhưng bát ngát hơn. Chung quanh ta toàn là một màu đất đỏ. Một vài đàn bò theo đường mòn, lững thững về trại, để lại sau chúng những đám bụi nhạt dần trong cụm mây vàng ở chân trời ửng hồng.

Gần tới Skoun (một quận nhỏ) xe chạy ngang một khu rừng rậm nhưng ít cây lớn. Mặt trăng đương lắp ló trong cành lá bên tay mặt bỗng chạy vụt qua bên trái rồi một phút sau, trôi trên nền trời xám đậm để ngưng lại, rực rỡ vàng trên nóc một dãy phố lâu cắt toàn bằng gỗ, đen như mực tàu và lạnh lẽo như quan tài.

Xe ngừng ở Skoun năm sáu phút rồi lại băng qua rừng. Trên một giờ sau, ta thấy lắp lánh một dãy đèn đỏ: xe đã tới Kompong Thom. Nghi ở đó nửa giờ để ăn cơm rồi tiến lên Siemreal.

Từ Kompong Thom tới Siemreal hai bên đường cũng toàn là rừng nhưng thưa hơn và một vài nơi có xóm làng.

Sáu mươi cây số trước khi vào Siemreal xe qua một chiếc cầu nhỏ mà hai đầu có bốn con “naga”, loại rắn thần của người Miên. Từ đây ta bắt đầu vào khu vực có nhiều phế tích, nhưng phế tích đều xa đường xe chạy, nên không thấy.

Khoảng hai giờ khuya xe qua một chiếc cầu đúc trắng, chui dưới vòm cây rồi ngừng ở ngang sô Bưu điện Siempreal. Tôi xuống xe. Đã có người nhà anh H. đứng đón.

Tôi theo người đó qua bên kia đường, bước lên một chiếc cầu gỗ. Tôi ngừng lại, tưởng mình ở trong mộng: trắng vàng vặc chiếc qua cánh lá thưa của một loại cây tựa như phượng tây, lấp lánh nhảy múa trên một dòng nước con con. Lá xào xác trên đầu, run rẩy dưới chân tôi, trên lưng cầu khom khom có tay vịn. Mây nhẹ trôi trên mặt rạch. Thoang thoảng một mùi hương dùi và tí tách có tiếng nước nhỏ giọt. Một tiếng vạc ngắn ở trên không. Tôi có cảm giác ngắm một cảnh trên đảo Phù Tang.

Qua khỏi cầu đã nghe tiếng anh H.:

- Biết mà! Anh lên, thế nào cũng cầm Stung Siempreal của tôi mà (Stung nghĩa là sông nhỏ) Thôi, vào nhà đã.

Nhà cách đầu cầu ít bước. Một mái tranh chung quanh có vườn rộng, quay mặt ra Stung, một bên là Sở Thú y, một bên là Câu lạc bộ.

CHƯƠNG HAI

SIEMPREAP

**CHÂU
THÀNH
SIEMREAP** Tám giờ rưỡi hôm sau tôi mới dậy (giờ mới)¹ Mặt trời đã nhuộm vàng từng khoảnh trên rặng cây ở bờ sông, nhưng trời vẫn còn lạnh y như tháng mười ngoài Bắc. Đi thăm cảnh Đế Thiên Đế Thích thì mùa này là tiện nhất, vì ba bốn tháng sau thì ở đây nóng lắm, rồi tới mùa mưa luôn sáu tháng.

Ăn sáng xong, anh H. đưa tôi đi coi thành phố.

Chúng tôi qua chiếc cầu gỗ hồi đêm rồi đi theo bờ sông, trên một đường tráng nhựa. Một bên là các công sở: tòa Công sứ, sở Bưu điện, sở Kiểm lâm,... sở nào cũng có vườn rộng ở chung quanh, giàn hoa ở trước mặt. Những giàn đó làm bằng bê tông, sơ sài nhưng lịch sự, coi xa như những hàng cửa kết bông xanh đỏ trên một dây dài hai, ba trăm thước. Một bên nữa là một lối đi trồng hoa nằm theo bờ sông. Sông hẹp, bờ cao, mùa này cạn, uốn khúc dưới một hàng bốn chiếc cầu gỗ cong cong, xinh xinh.

Hai hàng cây cao kết thành một cửa tờ vò trên đầu khách du lịch, thả xuống những chùm hoa đỏ và tím. Những màu đó cùng với màu nghệ chiếc cà sa của vài ông “lục”², màu chàm và màu lá xoài trên những tấm xiêm của các cô gái Miên, vẽ thành một bức tranh sắc sỡ tôi chưa từng thấy.

Tôi bâng khuâng nhớ cảnh Bắc trong tiếng tu hú và tiếng chim cu đua nhau hót ở trên cành; tôi tưởng tượng cảnh đồi núi Sơn Tây trong tiếng thông rì rào ở cuối đường; tôi rùng rợn nghe tiếng xoang xoảng của xích đồng buộc chân một bọn tù đương làm cỏ bên bờ sông. Và chìm trong bản nhạc lạ lùng đó có tiếng

¹ Đồng hồ để sớm hơn giờ thực một giờ

² Tiếng Miên nghĩa là ông, để chỉ các họa thương hoặc các người giàu sang.

thanh thót, đều đều, bất tuyệt, nhịp một, tiếng của những giọt nước trong vắt chầm chậm tự trên guồng nhỏ xuống.

Những guồng đó – thứ guồng dùng ở Quảng Nam – y như những bánh xe, trực kính không dưới bốn thước, đặt ngay mí nước, cách nhau ba bốn chục bước, thung dung quay suốt ngày đêm, nhẹ nhàng gạn từng giọt nước pha lê vào những máng nước dài đưa vào vườn. Nó có vẻ nhàn hạ làm sao! Tôi có cảm giác như người Miên dùng nó không phải để lấy nước mà để đo thời gian, để nhắc khách du lịch rằng thời gian ở đây tuy vẫn trôi nhưng từ từ trôi, không việc gì mà phải vội! Phải bỏ cái tật hấp tấp, cái gì cũng cầu cho nhanh, thật nhanh, của thế kỷ này đi gột cho hết bùn phòn hoa trên bờ con Stung này đi, cho tâm hồn được trong trèo như những giọt nước nhỏ ở máng kia, rồi hãy thủng thẳng bước vào cảnh đầy bí mật, đầy huyền ảo, vô cùng hùng vĩ, vô cùng lãng mạn của miền Đế Thiên Đế Thích.

Những guồng đó, mà giá ai đặt sẽ ngón tay vào cũng đủ làm cho ngừng lại, uể oải không kém gì dòng nước lờ đờ. Người ta phải đắp đập trên ba phần tư lòng rách, dồn nước vào một lối rộng chừng hai thước để bắt nó phải chảy, dừng lưu luyến với cảnh hoang tàn của Đế Thiên mà nó mới rời được vài cây số.

Con đường tráng nhựa nằm trên bờ sông ấy dài hơn ngàn thước, bắt đầu từ chiếc cầu đúc mà xe hơi hồi hôm chạy qua cho tới khói chợ một chút. Có dăm ba đường nữa chạy ngang qua, mát và sạch. Khu ấy là khu công sở. Còn khu thương mại nằm chung quanh chợ. Chợ bẩn và tối, các cửa hàng cũng bẩn và tối, già nửa của Hoa kiều, một phần của người Miên, một phần nhỏ của Việt kiều. Có một rạp Miên, vài hàng cơm Tây và Tàu. Nhà hàng Grand Hotel cất ở đầu châu thành, trước một sân thể thao, bên cạnh một vườn thú tiêu điều gồm vài chuồng khỉ và chuồng chim.

Đó là bên đây sông. Bên kia sông cũng có một con đường nằm theo bờ sông, vài công sở và nhiều nhà sàn bần thiu, tối tăm của người Miên. Bếp của họ thường đặt phía trước nhà, ngay dưới mái hiên. Họ ăn cũng tại đó.

NGUYỄN HIỀN LÊ

Coi qua thành phố rồi, tôi lại sờ Công chính có chút việc. Ở đó tôi gặp hai anh bạn đồng nghiệp nữa, anh Th. người Vinh, đã làm việc ở Lào và anh T. quê quán ở Hà Nội. Tôi rủ họ đi coi Đền Thiên Đế Thích. Họ cũng nói:

- Lại đây được non một năm, chúng tôi đã đi coi sáu bảy lần rồi, nhưng chưa lần nào đi hết vòng lớn, vì gần đây thường có cướp. Mới rồi, một bon mười tên Miên có súng, phá một kho của một công ty thầu khoán. Nhưng lần này thì chúng ta cứa đi. Cho chúng lột áo là cùng chử gì. Hẹn sáng chủ nhật 24-1.

Anh T. lấy bản đồ chỉ đường đi cho tôi coi: vòng nhỏ hai mươi cây số, vòng lớn ba mươi lăm cây số. Chúng tôi sẽ hợp hai vòng làm một, đi làm một lần. Vì ba phần tư vòng nhỏ nằm đè lên vòng lớn, cho nên vòng hỗn hợp của chúng ta chỉ dài khoảng bốn chục cây số thôi. (Coi bản đồ).

ĐÈN
BANTEAI SREY
(Thành trì của
phụ nữ)

Anh T. cầm cây thước đưa ngược lên phía trên vài phân rồi nói tiếp:

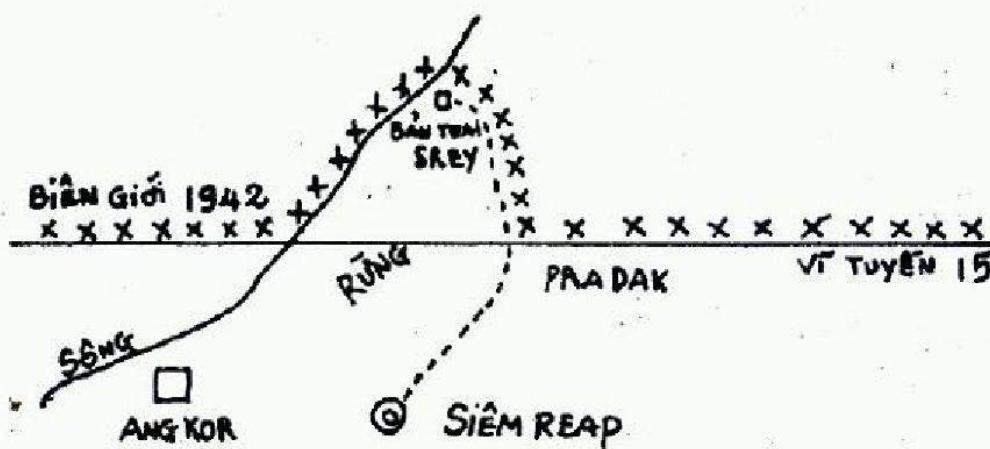
- Nhưng cái tuyệt mỹ không phải ở đây (ở Đền Thiên Đế Thích) mà ở đây, ở Banteai Srey. Chỗ này có một ngôi đền ngủ ở giữa rừng, không cao lớn bằng Angkor Vat, nhưng chạm trổ rất công phu. Không một phiến đá nào của ngôi đền ấy mà không chạm. Hình rất đẹp nét rất sắc, sắc hơn chạm vào gỗ. Năm ngoái tôi được lên đây với một ông giáo sư và một nhà điêu khắc. Ông này khen rằng hình người và súc vật chạm rất hợp với khoa giải phẫu, không chê vào đâu được. Từ bắp thịt tới đường gân đều đúng vị trí. Có một hình sư tử chỉ lớn bằng đồng bạc mà thấy rõ được vẻ sợ hãi hiện trên nét mặt nó khi một vị thần lay chuyển trái đất. Nghệ sĩ nào tạo được công trình ấy đã có một cặp mắt rất tinh và làm cho đền Banteai Srey có giá trị của một viên ngọc không lò.

Đền xây ở cuối thế kỷ thứ X, dưới triều vua Jayavarman V, sau bị bỏ hoang giữa một khu rừng rậm mãi đến năm 1914 một người Pháp mới tìm ra. Sau đó, nhiều kẻ ăn cắp những phiến đá chạm trổ để đem bán, gây ra một vụ kiện sôi nổi ở

Nam Vang. Năm 1924, trường Viễn đông bác cổ (Ecole française d'Extrême Orient) dựng lại bằng những vật liệu cũ, theo bản đồ cũ, và chặn lại được sự phá phách của thời gian và của loài người.

Anh thấy biên giới mới không?¹ Trong chiến tranh giữa Thái và Pháp năm 1941, Nhật ủng hộ Thái, ép Pháp phải cắt đất Miên cho Thái. Năm 1946, đồng minh thắng, Thái trả lại đất cho Miên. Một đường thẳng nằm ngang trên đất Miên, cách chỗ mình đứng dây mười hai cây số đường, chạy theo vĩ tuyến 15° gờ rat, bỗng bỏ nó, men con sông nhỏ này, ôm lấy đền Banteai Srey rồi mượn con đường mòn này để trở về vĩ tuyến 15° rồi thẳng tiến qua sông Cửu Long. Cái mũi nhọn bất thường ấy đủ cho anh thấy giá trị của đền Banteai Srey mà không một người Án Độ nào qua đây không đi coi, lại còn ghen với người Miên, nhận làm công trình của tổ tiên họ nữa.

Đi coi Banteai Srey, ta còn được thấy một cảnh cảm kích ta rất mạnh, cảnh một cái hào rộng chừng ba thước, dài hằng trăm cây số, đào thẳng băng giữa một khu rừng rậm rạp, âm u, mênh mông. Hào đó đi, phải xin phép ở Pradak cách Siem Reap non hai chục cây số. Có giấy phép rồi, anh sẽ được ông quận trưởng sở tại cho vài tên lính đi hộ tống vì đường thường có cướp”.



¹ Trong chiến tranh giữa Thái và Pháp năm 1941, Nhật ủng hộ Thái, ép Pháp phải cắt đất cho Miên cho Thái. Năm 1946, đồng minh thắng, Thái trả lại đất cho Miên.

NGUYỄN HIỀN LÊ

Ở sở Công chính ra, mặt trời đã gần đứng bóng, nắng chang chang, không có một ngọn gió. Hai bên đường là ruộng, chân rạ cháy khô. Nắng ở đây gay gắt hơn ở Sài Gòn nhiều.

HAI BÊN
BỜ SÔNG
SIEM REAP

Chiều hôm đó, tôi ngược sông Siemreap độ hai cây số. Khỏi cầu đúc, vườn tược càng sầm uất, guồng nước càng nhiều, đặt cá ở hai bên bờ. Cảnh y như ở miền Lái Thiêu: cũng đủ những cây trái như xoài, bưởi, quýt, mận, măng câu,... cũng những đường mương nho nhỏ chằng chịt trong vườn, cũng mùi hương cau thoang thoảng trong không khí. Một ngôi chùa Việt thấp, rộng, ẩn hiện sau hai hàng cau, trong một khu vườn trống bông và rau, đối diện với ngôi nhà thờ cao, ngạo nghễ nhưng cục mịch và một ngôi chùa Miên rụt rè trong đám xoài me ở phía sau.

Đi quá lên một chút nữa là sở Bảo tồn Đế Thiên (Conservation d'Angkor) hoang vắng, không bóng người ra vào. Vì chiến tranh nên khách du lịch rất ít. Mỗi chuyến xe ở Kompong Thom lên chỉ có bốn, năm người ngoạn cảnh, mặc dầu mùa này là mùa du lịch. Trước đây ba bốn năm, nhiều khách phương xa tới cho nên chung quanh chợ Siemreap và ở trong sân sở này, xe hơi thường chen chúc nhau đậu. Tôi vào sở hỏi mua cuốn *Guide Groslier* mà không có, đành phải mượn của anh T.

HÁT
MIÊN

Tối hôm đó, vợ chồng anh H rủ tôi đi coi hát Miên. Tới rạp lúc tám giờ. Đèn đã sáng, trống đã vang mà không có người lớn vờn ở ngoài. Rạp vắng tanh, ghế còn chất ngôn ngang trong một góc. Tôi quay ra hỏi người Miên bán giấy:

- Mấy giờ hát?
- Tám giờ.

- Tám giờ mười rưỡi.
- Tám giờ hát.

Chúng tôi đi vòng lại chợ một lúc, tám giờ rưỡi trở lại, vẫn chưa thấy bóng một khán giả. Chín giờ mới có người lại mua giấy. Hạng nhất 0đ,50.

Chúng tôi vào cửa. Một người Miên lục ở trong một xó, lấy ra ba chiếc ghế bành, giỗ xuống sàn một cái rất mạnh – giỗ rệp – rồi sắp ngay ở trước sân khấu.

Một lúc sau, người Miên lục tục kéo nhau vào từng bọn yên lặng như những bóng và ngồi thu cả vào trong một góc ở cuối rạp, cặp mắt long lanh trong bóng tối, dữ tợn như đương rình một kẻ thù. Họ khạc nhổ tứ phía.

Tôi nhớ lại hồi trước có người bảo:

- Một số có tân học của họ cũng ăn bốc, bốc thịt và canh cũng bốc. Ông luật sư Miên ở bên cạnh nhà tôi cũng thường theo tục đó.

Tôi nhìn lên tường: tranh vẽ ngay vào tường, nét rất khéo nhưng đã mờ dưới một lớp vết bẩn kinh niên. Những tấm màn trên sân khấu còn bẩn hơn nữa.

Khi màn cuốn, non hai chục đào kép xếp hàng theo hình bán nguyệt, đào một bên, kép một bên, cúi đầu chào khán giả, hát bài Madelon rồi mới bắt đầu diễn. Nghệ thuật của họ cũng phảng phát như nghệ thuật hát bộ của ta. Quần áo của họ cũng như quần áo thường của người Miền nhưng hào nhoáng hơn, tuy không sạch hơn. Nhiều đồ rách, vá.

Tôi không kiên tâm ngồi đợi cho hết tuồng để coi họ múa, mặc dầu trước khi đi, tôi nhất định thề nào cũng xem vài vũ khúc của Miên. Cứ nhìn trong các tấm ảnh của sở Du lịch mà tưởng tượng lại hơn.

Ra khỏi rạp, tôi hỏi anh H:

- Nghe nói từ khi vua Sihanouk lên ngôi, đuổi kết những “mái” (vũ nữ) ở trong cung ra, bọn đó đi các tỉnh kiếm ăn, có lên đây không?

- Có, nhưng cũng chẳng hơn gì bọn này.

**TRONG MỘT
CHÙA MIÊN** Còn sớm, chúng tôi chưa muộn về nhà, lững thững qua một chiếc cầu gỗ ở ngang chợ, rẽ vào một ngôi chùa Miên.

Chùa này rất rộng, có hai lớp học, một lớp dạy trẻ em, một lớp dạy thầy sãi, đều bài trí theo Âu.

Ở giữa sân có một nhà quàn quan tài. Một người Miên lai Trung Hoa, nhở buôn bán có bạc triệu, bỏ ra mấy vạn đồng làm chay cho vợ, bố thí và cúng chùa để xin phép cất nhà quàn đó. Nhà bằng gỗ lợp ngói, mỗi chiều độ năm thước. Ông lục nói quàn tới ba năm. Tuy không khí không tanh hôi mà tôi tự nhiên cũng muốn nín thở. Bên cạnh nhà quàn, vài người thợ Miên đương lấy mũi dao nhọn gọt những miếng đất thô để làm khuôn đúc những phiến xi-măng xây tháp. Miếng đất độ năm tấc vuông mà họ gọt năm ngày chưa xong. Thấy vậy rồi ta mới tưởng tượng nổi công phu khắc đá của người Miên bảy tám thế kỷ trước để tạo nên Đê Thiên Đê Thích, là vĩ đại đến bực nào.

**ĐẬP
BA RAI** Tám giờ sáng hôm sau, xe hơi sở Công chính lại đón tôi đi coi công việc xây đập ở Barai. Xe chạy qua cửa chính đền Angkor Vat vào lúc mặt trời ấm áp và rực rỡ mới nhô lên khỏi khu rừng âm u ở bên tay phải. Nhìn năm ngọn tháp như năm búp sen hiện sau một bức thành rêu phong, trên nền trời ửng đỏ, giữa đám cây xanh, sau một làn sương lam còn quyến luyến với làn nước phảng lặng trên hồ, tôi có cảm giác rằng sau bức thành đó, dưới những búp sen kia, là cả một thế giới thần tiên, bí mật. Xe chạy vòng quanh đền Bayou, dưới nụ cười hiền từ của Phật Avalokitecvara rồi rẽ vào một đường hẹp ngập cát, ngừng tại chỗ xây đập.

Tôi di coi mấy gian nhà lá cát cho lao công và lính Miên ở, một cái chòi cañh dựng trên cành cây, rồi xuống xem đập ở trên dòng sông Siemreap. Sông ở đây như một cái lạch nhỏ, rộng chừng mười lăm thước, uốn khúc giữa một khu

rừng cao. Có chỗ nông lội qua được. Nước trong xanh, trông thấy cát ở dưới. Đập sẽ nâng cao mặt nước lên bốn thước. Ở phía trên đập độ vài chục thước, tôi thấy vết một con kinh cạn.

- Tám trăm năm trước, người Miên đã biết công việc dẫn thuỷ rồi. Chính họ đào kinh này để đem nước vào hồ Barai tây, chứa ở đó rồi dẫn nó vào ruộng. Chúng tôi cũng theo vết họ, dùng ngay kinh đó, chỉ sửa sang lại một chút thôi. Hình như xưa kia, kinh này đáy rộng bảy chục thước, bây giờ chỉ còn non mười thước. Bảy nhiêu cũng đủ. Nhưng hai bờ kinh, vì bờ lâu, chỗ ra chỗ vào không đều, nay phải sửa lại. Tôi còn nghi rằng chính chỗ bảy giờ xây đập là cái nền của cái đập hồi xưa.

Đập chúng tôi xây có đặc điểm này là tuy ngăn nước lại, nhưng không ngăn hết, vẫn cho một phần nước chảy qua được, nếu không thì thành Siemreap sẽ mất một con sông và nhiều vườn rất đẹp.

Công việc ấy không khó. Khó là kiểm nhân công. Người Miên làm việc không như chúng mình. Ông coi kia, một gánh đất không nặng mươi ký lô mà họ gánh uể oải như vậy đó. Họ có tính ứng dụng của những nhà hiền triết. Phải chiều chuộng họ lắm, họ mới chịu làm giúp cho đấy. Vì vậy ít người đầu giá mà người đầu rẻ nhất cũng bỏ thầu tăng lên 97%.

- Chín mươi bảy phần trăm? Một nguyên do nữa có phải là sự bất an của miền này không?

- Cũng có lẽ. Nhưng người ta cứ đồn nhau là có cướp bóc, sự thực không có gì cả... Đập này xây xong, mực nước hồ Barai tây sẽ nâng cao được bốn thước, sẽ chứa đủ nước cho 15.000 mẫu ruộng. Phí tổn sẽ vào khoảng 600.000\$. Chiều nay ông muốn đi coi hồ đó, tôi sẽ bảo tài xế đưa ông đi. Tất nhiên là tôi không từ chối.

HỒ
BARAI Ba giờ chiều xe lại đón anh H và tôi đi. Ra khỏi thành phố, đi lên phía
TÂY Sisophon độ mươi một cây số, qua những xóm làng tịch mịch dưới

NGUYỄN HIẾN LÊ

bóng dùa và cau rồi rẽ vào một đường nhỏ dài vài trăm thước ở bên tay phải.

Một làn nước trong và lặng, vuông vắn, chung quanh có đê cao, cây rậm. Trên bờ cát một ngôi nhà sàn trước mặt bày một cái bàn và bốn chiếc ghế đá để du khách nghỉ ngơi trước khi tắm.

Hồ rộng một chiều 2.000 thước, một chiều 8.000 thước. Bốn phía là đê cao trên mươi thước, mặt đê rộng năm mươi thước.

Có hai hồ như vậy. Hồ này ở phía tây nên gọi là Barai tây. Barai đông hiện nay đã cạn và thành ruộng.

Giữa hồ nhô lên một ngôi đền nhỏ, đền Mêbon, cũng một kiểu với đền Baphoun, coi kiến trúc đền đó, các nhà khảo cổ đoán rằng hồ này đào hồi thế kỷ XI ở giữa một đồng ruộng. Có lẽ thời đó hồ thông với Biển hồ bằng một con kinh lớn, và thuyền của Hoàng gia thường đậu ở đây. Ngày nay hồ là một chỗ rất tiện cho thuỷ phi cơ đáp xuống.

CHƯƠNG BA DÂN TỘC MIÊN

MỘT CHÚT
LỊCH SỬ Nhờ cuốn Guide Groslier¹ anh T., cho mượn, tôi được biết qua loa
về lịch sử và tôn giáo của người Miên.

Đề Thiên Đề Thích có hai phế tích lớn: Angkor Thom và Angkor Vat, Angkor
Thom là một đền thờ.

Nhờ tìm được nhiều tấm bia, các nhà khảo cổ hiện nay cho ta biết một cách
gần chắc chắn thời kỳ xây cất những ngôi đền chính. Những phế tích cổ nhất dựng
từ thế kỷ XIII. Dưới đây là một bảng cho biết thời kỳ của những phế tích lớn, sắp
theo thứ tự thời gian:

Phnom Bakheng	vào khoảng năm 900
Mébon đông	952
Pré Rup	961
Banteai Srei	967
Takeo	1.000
Baphoun	1.060
Angkor Vat	tiền bán thế kỷ XII
Ta Prohm	1.186
Prak Khan	1.191

¹ Hiện nay có cuốn Les Monuments du groupe d'Angkor của Maurice Glaize, bản in thứ nhì do nhà Alber Portail xuất bản năm 1948. Cuốn này khá dày đặc. Tác giả có chỉ dẫn du khách về dân tộc lịch sử, địa lý, tôn giáo Cao Miên, lại lập chương trình để coi phế tích theo con đường nào, và những giờ nào để khỏi bỏ sót những chỗ đáng coi. Sáng dày 280 trang, rất nhiều hình và bản đồ. Nên coi thêm cuốn Pour mieux comprendre Angkor của G. Coedes-Adrien neuve – 1947.

Bayon và tường

thành Angkor Thom cuối thế kỷ XII

Tổ tiên người Miên ngày nay có lẽ cùng một dòng với người Môn ở nam Miền Điện, hoà hợp với vài dân tộc ở dãy Trường Sơn, sau chịu ảnh hưởng của Ấn Độ về văn minh. Họ không phải là gốc Ấn Độ mà cũng không bị Ấn Độ xâm lăng, đỡ hộ như trước kia người ta làm tường.

Đầu kỷ nguyên, người Trung Hoa gọi xứ Cao Miên là Phù Nam (Fou Nan). Từ thế kỷ III đến thế kỷ VII, xứ đó phát triển mạnh, giao thiệp cả với Ấn Độ và Trung Quốc. Giữa thế kỷ VII có nội loạn, một vua chư hầu Kambuja chiếm hết bờ cõi, dựng đô ở gần Kompong Thom. Do tên Kambuja đó mà người Pháp gọi là Cambodge, ta gọi là Cao Miên.

Suốt thế kỷ VIII, Miên quốc chia làm hai xứ: *Thuỷ Chân Lạp* (Nam Việt và Cao Miên ngày nay) và *Thổ Chân Lạp* (Trung và Hạ Lào ngày nay). Thuỷ Chân Lạp bị Java và Sumatra xâm chiếm.

Qua thế kỷ sau, một vị anh hùng Miên thống nhất lãnh thổ, lên ngôi, tên là Jayavarman II, tuyên bố độc lập, không chịu sự đỗ hộ của Java nữa, dựng kinh đô ở miền núi Kulen, mở đầu cho thời kỳ Angkor, tức thời thịnh nhất của dân tộc Miên. Ông mất năm 850, trị vì được 48 năm.

Trong mấy thế kỷ sau, nước vẫn còn thịnh, các vua Miên dời kinh đô xuống Angkor; rồi vào khoảng thế kỷ XI xây dựng những đèn rất đẹp là Takeo, Phiméanakas, Baphoun,...

Tiền bối thế kỷ XII, xuất hiện một nhà vua rất anh hùng, vua Suryavarman II. Ông liên kết với Chàm, chống lại người Việt, rồi trở lại đánh chiếm đất Chàm. Ông cho xây đèn, dài, lăng tẩm.

Cuối thế kỷ XII, vua Jayavarman VII¹ đuổi được người Chàm rời đô hộ cả Chàm lẫn Lào. Ông dựng lại những đền cũ ở Angkor Thom, nhất là đền Bayon, xây thêm một bức tường bao bọc kinh đô và lập rất nhiều đường đường trong nước.

Những công việc kiến thiết đó hao tốn rất nhiều tài sản, sức lực của dân, mà người Miên từ đầu thế kỷ XIII, hoá ra kiệt quệ, bị người Thái chiếm. Cuối thế kỷ đó, năm 1296, một người Trung Hoa tên là Chu Đạt Quan (Tcheou Ta Kouan) qua Miên, đau lòng cho cảnh suy tàn của Angkor và viết một tập du ký ghi phong cảnh và phong tục Miên. Tập đó, Paul Pelliot đã dịch ra Pháp văn, nhan đề là *Mémoires sur les coutumes du Cambodge* (xuất bản năm 1902).

Các vua Miên từ đó phải bỏ miền Bắc để tránh người Thái, xuống ở miền Nam, dựng đô ở Oudon, phía trên bến đò Kompong Luong vài cây số, rồi lại dời lần nữa xuống Nam Vang; sau bị Việt rồi tới Pháp đô hộ.

KIẾN TRÚC Theo Chu Đạt Quan thì các cung điện của vua Miên ở cuối thế kỷ XIII không xây dựng bằng đá mà bằng những vật liệu nhẹ, như gỗ, gạch, ngói; còn dân thường thì ở nhà lá. Vậy phế tích ở Đế Thiên Đế Thích không phải là cung điện để vua ở. Theo các nhà khảo cổ của trường Viễn Đông, nó cũng không phải là nơi để sùng bái chung như các nhà thờ Châu Âu; nó là những điện nhà các triều đại; có ngôi lại chỉ là lăng tẩm. Hầu hết ngôi nào cũng hướng về phương Đông; điều đó tỏ rằng người Miên ở thế kỷ XII vẫn còn chịu ảnh hưởng của một tôn giáo chung cho nhiều dân tộc thời cổ: tức sự thờ phụng mặt trời.

Kiến trúc của đền Angkor Vat, của hồ Neat Pean, của những con đường thăm thẳm ở Park khan tỏ rằng các nghệ sĩ Miên biết bao quát, hoà hợp, có một nghệ thuật cao, hùng vĩ mà cân đối, làm cho ai cũng phải phục rằng cả miền Angkor là một công trình mạnh mẽ, thuần nhất và đẹp đẽ cù một bộ óc biết tổ

¹ coi thêm phụ lục

NGUYỄN HIỀN LÊ

chức, suy nghĩ chín chắn. Chỉ tiếc một điều là nhiều điện xà cát cho mau xong, nên mắc nhiều lỗi về kỹ thuật: có đèn đá chồng lên nhau mà không xen kẽ, lại không neo kỹ với nhau nên dễ đổ. Một điều đáng chú ý nữa là phần chính của đèn thường cát trên một khu hẹp, chen chúc toà nọ toà kia, có vẻ đồ sộ, nhưng cho ta cái cảm giác nghẹt thở, nhìn lâu thấy mệt.

Vật liệu thường dùng là sa thạch dẽ đục xen với đá ong và những viên gạch nung rất kỹ lớn, nhỏ nhiều cỡ, từ cỡ 22x12x4 tới cỡ 30x16x8,5 phân.

Người Miên rất ưa đục hình trên đá. Ở điện Angkor Vat có trên 12.000 thước vuông đá đục hình về đời các vị thần thánh. Ở đèn Bayon, hình diễn lại đời sống hằng ngày và phong tục đương thời. Ở Sân Voi tại Angkor Thom, trên bốn trăm thước chiều dài, hiện lên hình những loài vật lớn bằng vật thiên nhiên.

Khi người Pháp tới, cả miền Đèo Thiên Đèo Thích bị bỏ phế trong một khu rừng rậm ít ai lui tới. Đến năm 1898, chính phủ Pháp lập ra trường Viễn đông bác cổ và lưu ý tới sự bảo tồn những phế tích đó. Họ phải phá rừng để vô, chông đỡ những bức tường, pho tượng sắp đổ, sau họ mới dùng một phương pháp đã thực hành từ lâu ở Hy Lạp, Java, tức phương pháp xây dựng lại những ngôi đèn đó nếu có thiếu thì thêm những vật liệu mới nhưng thêm một cách kín đáo và dùng những vật liệu giống với vật liệu cũ. Nghĩa là họ phải gỡ, tháo từng miếng, chùi cọ rồi sắp lại đúng với tấm hình và bản đồ của mỗi ngôi đèn. Nhờ công phu đó mà ngày nay du khách được ngắm một kỳ quan và được biết thêm đoạn sử của dân tộc Miên.

TÔN GIÁO Mới đầu người Miên theo đạo Bà la môn rồi sau theo đạo Phật, phải tiêu thừa. Bốn vị thần Phật được họ thờ nhất là:

- Thần Brahma sinh ra muôn loài.
- Thần Vichnou giữ gìn cho muôn loài khỏi bị tiêu diệt .

- Thần Civa tàn phá và kiến thiết.
- Phật Avalokitecvara, vị Phật của chu kỳ hiện tại.

Trong bốn vị đó, ba vị sau được thờ phụng nhiều hơn. Phật Avalokitecvara có bốn mặt quay về bốn phương trời để cứu nhân độ thế. Con rắn thần linga tượng trưng thần Civa. Còn thần Vichnou thì có khi là một con rắn có khi là một con rùa, có khi là một con lợn rừng, chính thần này khuấy nước biển cho thành sula để nuôi loài người.

Ngoài ra còn nhiều vị thần tượng trưng bằng voi, sư tử, bò,... Đền nào ở Đề Thiên Đề Thích cũng chạm hình các thần. Tôi nhận thấy thần nào cũng trẻ, không như thần Trung Quốc phần nhiều có lâu dài.

Nhờ cuốn *Guide Groslier* và nhờ ba ông bạn đưa đi, tôi khỏi phải mướn người chỉ dẫn. Nghè chỉ dẫn du khách đã làm giàu cho một số người Miên. Hồi xưa họ sung sướng và nhàn hạ hơn công chức nhiều, nhưng từ khi có chiến tranh, đa số thất nghiệp.

CHƯƠNG BỐN

ANGKOR THOM

(Angkor là đô thị - Thom là lớn)

NÚI Sáng hôm sau, 24.1, anh H. và tôi mướn xe lô đi Đè Thiêng
BAKHENG Đè Thích (năm đồng một ngày). Hai anh Th. và T. đi sau. Hẹn đợi
nhau ở Srah – Srang.

Chúng tôi định đi Angkor Thom trước, coi hết những đèn trong vòng nhỏ
và vòng lớn rồi cuối cùng mới đi coi đèn Angkor Vat.

Qua cửa Angkor Vat tôi thấy vài người chỉ dẫn quần áo chỉnh tề đợi du
khách ở trước nhà cho mướn voi. Chúng tôi đi thẳng đến núi Bakheng, cách cửa
tây đèn Angkor Vat độ 1.500 thước và cửa nam thành Angkor Thom độ 500
thước.



Hình đèn Angkor Thom chìm trong rẽ đại thụ.

Trước khi ngắm một cảnh bao la tôi thường tìm chỗ nào cao để coi toàn thể cảnh đó đã. Cách Siemreap mươi cây số về phía Bắc có núi Chrom cao trên năm thước, đứng trên ngọn có thể bao quát gần hết miền mà người Miên xưa đã lựa để dựng kinh đô. Tôi tiếc không có thì giờ leo núi đó nhưng cũng không ân hận mấy vì đã lên núi Bakheng.

Nghe nói xưa núi này cao và lớn, người Miên đục ra lấy đá để xây vài ngôi đền tại Đế Thích (Angkor Thom) cho nên nay chỉ còn cao độ sáu chục thước. Chỉ có một lối lên, trông xuống con đường nhựa nối Angkor Vat với Angkor Thom. Lối đó dốc, không xây bực, đá thường lăn ở dưới chân, cho nên lên đã mệt, xuống lại khó. Tôi gắng lắm mới khỏi nghỉ ở lưng núi. Lên tới ngọn, đầu tôi choáng váng, nhưng nhờ không khí trong và mát, chỉ vài phút sau đã hết mệt.

Nhưng tôi còn phải leo nữa vì đó mới chỉ là một cái sân rộng mỗi chiều độ trăm thước. Giữa sân là một mái ngói nhỏ che một phiến đá có đục lỗm xuống thành hình một bàn chân dài độ hai thước. Người Miên bảo đó là một bàn chân Phật, còn một bàn chân nữa ở núi Kulen¹, tức núi Phật tổ. Những người lên núi Kulen rồi nói chuyện rằng bàn chân đó tuy lớn như nhau, nhưng ngón bàn này hướng về một phía thì ngón bàn kia hướng ngược lại, thành thử không biết Phật đứng cách nào. Xét như vậy cũng tỉ mỉ quá.

Cuối sân là một cái tháp mà muốn lên ngọn phải trèo năm thang đá nữa, tháng dưới 10 bực, thang kế 9 bực, cứ mỗi thang lại rút đi một bực, thang chỉ còn 6 bực. Mỗi bực cao 20 phân, rộng 20 phân; đặt đọc bàn chân không được, phải đặt ngang, tay bấu lấy bực trên cho khòi ngã. Người Miên nói nhà kiến trúc chủ ý làm như vậy để bắt buộc người xuống phải đi ngang không quay lưng được vào đền thờ Phật. Đó chỉ là một lối giảng. Theo tôi, những bậc hẹp và cao đó có một tác dụng kiến trúc: kể cả năm thang cao chỉ có tầm thước thôi, nhưng ở xa nhìn thấy thang dựng đứng lên, lại gần phải ngừa mặt lên mới thấy bực chót thành thử thang có vẻ cao lớn, làm cho ta ngập.

¹ Trong những tên Cao Miên, chữ u đọc như u Việt, không phải chữ u Pháp; vẫn ai, ei đọc như ay, áy Việt.

NGUYỄN HIỀN LÊ

Tháp ở trên núi tựa tháp Chàm, xây bằng sa thạch trên nền đá ong. Bốn mặt quay ra bốn phương, đều chạm trổ.

Đứng ở chân tháp, nhìn chung quanh, ta thấy một biển cây gợn sóng; phía nam hiện lên một cánh cò trắng, tức nhà hàng Grand Hotel; phía tây, hồ Barai loang loáng tựa lưỡi gươm; phía Bắc núi Chrom nhô lên thành một đao con, và ở chân trời xa tít, chạy một dãy núi xanh biếc: núi Kulen.

Ở dưới chân ta ẩn hiện một dòng nước xinh xinh, uốn khúc ôm những búp sen của đền Angkor Vat. Ta tưởng như đứng trên một núi non bộ vĩ đại, ngắm một vườn ngự uyển mênh mông còn ngủ trong ánh vàng và gió hiu hiu của buổi sớm.

THÀNH ANGKOR THOM Chúng tôi xuống núi, vừa lên xe ngồi được một chút đã thấy cửa nam thành Angkor Thom thăm thẳm ở trước mặt. Cửa cao hơn mươi thước, xây trong một bức tường, trên có vị Phật Avalokitecvara.

Thành này vuông vắn, mỗi chiều dài 3.000 thước chung quanh có hào rộng chừng 100 thước, đầy lục bình. Sau hào là một bức tường cao chừng tám, chín thước, Bốn cửa chính hướng về bốn phương đông, tây, nam, bắc. Phía đông có thêm một cửa nữa. Trong thành là cả một khu rừng thưa chưa biết bao nhiêu phế tích.

ĐÈN BAYON Ở cửa nam vào, chúng tôi lại thẳng đèn Bayon thờ Phật Avalokitecvara bốn mặt, một ngôi đền cực kỳ vĩ đại, tân kỳ. Khắp thế giới có lẽ không đâu có một kiến trúc phảng phất như vậy.

Hồi trước, Pierre Loti phải chém phá những gai góc, dây leo, len lỏi mới vô được đền vì “rừng ôm chặt lấy nó ở khắp phía, bóp nghẹt nó, nghiến nát nó: những cây đa chẽm chẽ ngói trên nóc tháp như ngói trên bệ, đã hoàn thành công việc tàn phá”.

Một cái bệ không sao, một chiều cao 160 thước, một chiều cao 140 thước. Trên bệ là ba dãy phòng bao bọc chung quanh. Dãy ở ngoài đã bị thời gian tàn phá, chỉ còn những cột đá cao độ hai thước và vài bức tường chạm đủ các cảnh sinh hoạt thời xưa của người Miên đời các vị vua chúa, các ông lục, quan lại, dân chúng, lính tráng.

Dãy ở giữa còn được gần nguyên vẹn, có nóc bằng đá- toàn bằng sa thạch – chia ra từng phòng nhỏ chừng hai thước một chiều. Trên tường cũng chạm trổ như dãy ngoài: có những hình voi, xe ngựa kỳ dị, những đầu búi tóc đủ kiểu, những bộ mặt hung dữ, những chiếc xiêm lụa lùng, những vị thần nghiêm trang và hiền từ. Đi trong dãy phòng đó, luôn luôn ta phải bước lên, thụt xuống, vì có chỗ cao chỗ thấp. Không khí nặng nề, khó thở, âm thấp, lạnh lẽo, mà ánh sáng thì xám xám, đùng đục. Tôi hơi rùng mình, tưởng như ở đây còn vương chút hồn của người xưa mà hình ảnh chập chờn trên tường đá.

Qua một lối đi nữa, ta vô dãy sau cùng, lại càng thấy rùng rợn hơn. Ta vội vã bước vào sâu để tìm chút ánh sáng ám áp, vàng vàng ở trong cùng kia, trong khoảng sân hẹp dưới hàng trăm cặp mắt của Phật Avalokitecvara. Ở đây có 50 cái tháp, cái nào cũng cao trên mươi thước. Có 172 mặt người (tức 43 đầu Phật mỗi đầu có 4 mặt) lớn hai, ba thước, cái ở trên cao, cái ở dưới thấp, cái sáng một nửa, cái sáng một góc, cái sáng cả, cái tối cả, hướng về đủ bốn phương trời, và cái nào cũng có cặp mắt hiền từ, cũng có nụ cười khoan hoà, mỉa mai và bí mật.

Nhưng phải tới đây một đêm trăng mới thấy được cái vô cùng thần diệu, vô cùng kỳ diệu của cảnh, thấy được cái tài tượng tượng và sáng tác không tiền khoáng hậu của nghệ sĩ. Ta sẽ thấy dưới ánh trăng huyền ảo có cặp mắt long lanh như cười loài người khờ dại; có cặp mắt long lanh như cười loài người khờ dại; có cặp mắt ướn ướt như khóc nhân thế trầm luân; có cặp môi như trêu cợt mỉa mai; có cặp môi như mấp máy muôn nói; có nụ cười từ bi, có nét mặt vỗ về; lại có cặp mắt như động lòng nhẩm lại, có vẻ mặt như thương tâm mà quay đi. Trăm bảy mươi hai

mặt cùng một khuôn mà trăm bảy mươi hai vè! Quả thực là một thế giới kỳ dị trong thẳn thoại do những sinh vật hoàn toàn khác chúng ta xây dựng nên .

Ta thẳn thờ trước cảnh và tự hỏi: Làm sao họ chờ được cả những núi đá đó qua biết bao rừng sâu, đồng lầy từ dãy núi Kulen tới đây; rồi dùng vôi cát gì để gắn mà trai mấy trăm năm không đổ, không hề dùng máy đóng cù mà nền dưới sức nặng thế kia vẫn không sụt; họ mài làm sao, xếp làm sao mà nhiều chỗ hai phiến đá khít nhau đến nỗi ta làm là một phiến; và đục chạm làm sao mà nét đều, sắc như vậy; trăm mặt Phật giống nhau như vậy?

Tất cả các du khách đều ca tụng kiến trúc ngôi đền này. Doudart de Legrée bảo nó là “thần tiên, lạ lùng”. Tissandart khen nó là độc nhất trên thế giới. Và Pierre Loti viết: “Tôi ngừng đầu lên nhìn những tháp dựng đứng ở trên cao, chim trong cành xanh tươi đó, và thình lình tôi rùng mình, sợ sệt - một nỗi sợ mà tôi chưa từng biết – khi tôi thấy một nét mím cười lạnh lẽo rơi từ trên cao xuống tôi,... rồi lại có một nét mím cười nữa ở đằng kia, trên một mảnh tường khác ... rồi ba, rồi năm, rồi mười cái mím cười, đâu đâu cũng có; tôi bị giám sát ở khắp nơi”.

Theo các nhà khảo cổ thì vua Jayavarman VII mới đầu cắt ngôi đền này theo kiểu đền Ta Prohm hay Banteai Kdei để thờ Phật, sau sửa đổi nhiều lần, dựng lại trên nền cũ, xây thêm phòng, thêm hành lang, tháp, nên đền thiếu tính cách thuần nhất, chật chội, có nhiều mực cao thấp khác nhau. Trên ngọn tháp tại trung tâm đền là tượng của vua Jayavarman VII, vị Phật vương, nghĩa là một vị Phật đầu thai xuống làm vua.

Ngồi nghỉ ở sân đền, ngắm các mặt Phật một hồi lâu, chúng tôi lui ra, lòng hoang mang, óc vơ vẩn. Xuống khỏi bệ đá, dẫm lên lá rụng của rừng thưa, nghe tiếng xào xác dưới chân, tiếng rào rào trên đầu, chúng tôi tưởng như tiếng của nghìn xưa đưa lại.

Chúng tôi thơ thẩn lại Bapoun. Ở đây không khí dễ thở hơn. Một lối đi rộng trên 10 thước, dài trên 200 thước làm bằng toàn những phiến đá lớn, bắt trên những cột cao hơn một thước, tựa như một chiếc cầu. Nên thực đồ sộ, còn cao hơn đền Bayon; nếu xây cất ở một khoảng trống thì vẻ oai nghiêm tăng lên nhiều.

Cuối lối đi là một tòa ba tầng nhiều chỗ đá nứt, nền đã sụp. Trên tường cao nhất là một ngôi đền cũng chạm trổ, cũng có những dây phỏng ở chung quanh. Chúng tôi không vào, ngồi ở ngoài ngắm rừng. Sau khi nhìn những toà đá đồ sộ ở Bayon, tôi cho mắt nghỉ ngơi trên những chùm lá xanh hơn run rẩy trong gió ở dưới chân tôi.



Hình tượng nữ thần bằng đá



Hình khắc trên đá trong đền Angkor

**BỆ VOI ĐỀN
PHIMÉNAKAS**

Ở Bayon xuồng, chúng tôi lại “Bệ nhà vua” cũng gọi là “Bệ voi” vì bức tường bằng đá cao độ bốn thước, bao bọc bệ, có đục những hình voi lớn bằng voi thực, con thì nhô sen, con thì khiêng kiệu. Bệ rộng khoảng 200 thước, dài 300 thước. Có hai bức lên; ở giữa bệ có đèn kiến trúc như hệt đèn Bapoun, nhưng nhỏ hơn. Đèn đó là đèn Phiméanakas. Chu Đạt Quan trong tập du ký bảo đèn này có cái tháp vàng, chỗ nghỉ ngơi của vua. Dân chúng thời đó tin rằng trong tháp có hồn một con rắn chín đầu làm chủ cá non sông, cứ đêm đêm nó hiện hình thành một người đàn bà rất đẹp; nhà vua đúng canh một phải tới tháp ân ái với nó trước, rồi sa mới tới phiên hoàng hậu hoặc các cung phi tần. Nếu nó hiện lên mà vua không tới thì thế nào nhà vua cũng gặp tai vạ; nếu bỗng nhiên nó không hiện lên nữa là số mạng ở nhà vua sắp hết.

Chúng tôi không vào Phiméanakas, qua bệ bên cạnh, “bệ Vua hùi”.
**BỆ
VUA HÙI** Bệ này không có gì đặc sắc, ngoài cái tượng Vua hùi. Vua hùi ngồi một chân xếp bằng, chân kia đầu gối đưa lên, thân thể loã lồ - trong nghệ thuật Cao Miên không thấy có một tượng thứ hai như vậy – nhưng không có cơ quan sinh dục. Người ta vẫn chưa biết tượng đó là vua nào hay thần nào. Có người bảo là thần Civa, có người coi chữ khắc trên bệ lại bảo là thần chết Pharmarâja. Lại có thuyết bảo là vua Jayavarma VII (coi phụ lục).

Theo ông Coedès, tác giả cuốn *Pour mieux comprendre Angkor* thì bệ vua hùi này hồi xưa là hơi hoà thiêu các người chết trong hoàng tộc, cho nên mới dựng tượng thần chết ở đó. Thuyết ông không phải là vô lý. Hiện nay ở Nam Vang và Bangkok, những nơi đê hoà thiêu các ông vua đều ở phía bắc cung điện, thì bệ Vua hùi này cũng ở phía bắc cung điện vua Miên thời xưa¹.

Trước mặt bệ Voi và bệ Vua hùi là một cái hình chữ nhật, dài 550 thước, rộng 200 thước, nay dọn trống. Chu Đạt Quan chép rằng: “Sân đó chứa hàng ngàn người, dăng đèn kết hoa và đêm đêm người Miên đốt pháo bông cho nhà vua ngắm. Cứ mỗi tháng có một cuộc lễ. Tháng chín bá tánh mọi nơi họp ở đó; tháng năm người ta chờ tất cả tượng Phật về đây rửa trước mặt nhà vua. Mỗi khi nhà vua ra ngoài thành thì kỵ binh, cờ quạt, đội nhạc dẫn đường, rồi tới cung nữ bưng những đồ vàng đồ bạc; kế đó là xe ngựa, xe dê thùng và gọng chạm bạc. Bá quan cưỡi voi che lọng. Phía sau là hoàng gia, cuối cùng là nhà vua cưỡi voi mà ngà đều bọc vàng. Cán lọng cũng bằng vàng. Một đội kỵ binh hộ vệ nhà vua”.

**CỦA
KHAI HOÀN** Ở bệ Vua Hùi, chúng tôi tiến lại cửa Khai Hoàn. Cửa này cũng như cửa nam thành Angkor Thom, nhưng hai bên thêm hai dây thần ngòi ôm hai con Naga, mỗi bên 54 vị lớn hơn người thực cách nhau độ hai thước, coi cùng có vẻ hùng vĩ. Con Naga thuộc loại rắn hổ mang Ân Độ (cobra)

¹ Tượng vua Hùi đã giúp Pierre Benoit tưởng tượng một truyện nhan đề là *Le roi Lépreux* (Albin Michel) nửa tình ái, nửa mạo hiểm, khung cảnh là Đề Thiên Đề Thích, nhưng không liên quan gì tới cõi sú Cao Miên cả.

NGUYỄN HIẾN LÊ

nhiều dầu; theo thần thoại Miên, nó là thần nước, lấy dầu che đức Phật khi ngày ngòi thiền định.

CHƯƠNG NĂM

CÁC ĐỀN NHỎ

ĐỀN
TAKEO
(Ông tổ kèn)

Khỏi cửa Khải Hoàn độ một cây số, vẫn trên vòng nhỏ, chúng tôi ngừng lại trước cửa đền Takeo. Kiến trúc đền này khác hẳn đền Bapoun và Phiméanakas. Giản dị hơn, xinh hơn mà có vẻ mạnh hơn vì năm ngôi tháp ở trên ngọn gom lại gần nhau, hợp thành một khối. Có hai tùng, không cao lăm nhưng bệ vệ, oai nghiêm.

ĐỀN PROHM
(Ông tổ Brahma)

Ở đền Ta Keo ra, đi thẳng xuống phía nam độ hơn một cây số đến cửa tây đền Ta Prohm. Một lối đi dài khoảng 500 thước đầy lá rụng, thẳng tắp ở giữa rừng cây cao vút. Không một tiếng động. Đền bằng đá, thấp, có nhiều dãy phòng, nhưng nay đã đổ cả. Kiến trúc không có gì đặc sắc, tựa như một chùa cổ của ta, không có nhiều bức, không có tháp cao. Đá nằm ngang, lấp cả lối đi. Ánh sáng lờ mờ. Không khí hôi hám. Từng đàn dơi ôm chặt lấy đá, trông rợn người.

Du khách nhận thấy điều này là tất cả các đền Đế Thiên Đế Thích chỉ có đền này còn giữ cái vẻ hoang vu ở giữa rừng. Trường Viễn đông bác cổ đã có sáng kiến lựa nơi đây mà bảo tồn cảnh thiên nhiên để ta được hưởng chút cảm giác rùng rợn của các nhà thám hiểm hồi trước. Sáng kiến đó đáng khen và đền Ta Prohm là nơi mà chúng tôi thích nán ná lại lâu nhất.

Ở đây mới thực là cảnh hoang tàn. Ở đây ta mới thấy sự chiến đấu giữa cây và đá, giữa loài người với hoá công. Có những cây rẽ lớn mấy tấc, dài hàng chục thước, uốn khúc ôm lấy bệ của toà đền và nổi gân lên như muốn vặn cho nó đổ mới chịu thôi. Có cây lại kiêu căng ngồi xếp bằng trên một toà khác, ung dung thă

hẳng trăm rẽ xuống, như hẳng trăm tay của loài bạch tuộc, ghì chặt lấy mồi của mình, không cho nó cựa rồi hút dần tinh tuỷ của nó, cho thịt nó rã, xương nó tan mà hiện nay ngôi đền cũng đã giàn tàn, giàn rã. Có cây độc ác hơn, đâm một rẽ lớn từ đỉnh đền xuống như cắm lưỡi gươm vào đầu quân thù.

Kỳ thủ, nó chỉ là một hạt nhỏ hơn hạt thóc, bay theo luồng gió nhẹ rồi dính vào lông con chim hay một con nai uống nước bên bờ suối. Rồi không hiểu sao, một ngày nọ nó tới đây. Đền miếu ở đây nguy nga mà đất cát ở đây mênh mông. Nó chỉ xin một khe đá để tránh gió ngàn và mưa nguồn. Đá không hẹp lòng, che chở nó. Và nó cũng không sống nhờ đá. Một hạt bụi, một giọt sương đủ nuôi nó hàng tuần.

Không ai để ý tới nó nữa. Nó hiền từ sống. Nhưng khi người ta nhớ tới nó thì nó đã diễm lệ, uyên chuyên, pháp phới những khi trăng rằm lên. Nó đã có giọng hát du dương khi tới gió mai nỗi và đóm dáng làm sao, nó đã biết cài những đoá hoa mát như xuân, thơm như hạ trên mớ tóc xanh của nó.

Người ta cho nó là vô hại, lại cảm ơn nó đã tô điểm cho cảnh cứng cỏi, buồn thảm của đá này. Người ta cầu cho nó sống.

Rồi băng đi khá lâu, người ta trở lại thì nó đã thành một hung thần không sao đuổi được. Nó đã đâm nanh mọc vuốt.

Mới đầu những nanh vuốt đó chỉ là những sợi tơ dày nhựa, óng ánh, trắng nõn thòng từ trên cành xuống, đong đưa dưới gió chiều. Một con chim chạm cánh vào nó, nó gãy, một con kiến cắn nó, nó cũng đứt. Nhưng nó cũng đã tới mặt đất, đâm sâu xuống đó, hoặc đã len vào được một khe đá. Người ta tưởng nó sẽ chết bẹp ở chỗ tối om om và chật hẹp của khe đá, nhưng không, nó vẫn sống, đây đá ra hai bên để sống. Và bây giờ không còn ai lay nỗi nó nữa.

Anh em chúng rất đông, kín cả khu đất mênh mông này. Chúng ôm, ghì, đè, đẩy, vặn, đục, làm đủ cách cho đá lăn lăn rã ra, nghiêng đi, đổ sụp ở chân chúng.

Lâu dài nguy nga không còn nữa, nay chỉ còn những hang cho chồn ở, những khe cho kiến bò và một nguồn cảm hứng vô tận cho khách hoài cổ.

Theo tấm bia trong đền thì hồi xưa đền chứa tới 12.640 người, trong số đó có 18 hoà thượng, 2.740 thầy tư tế, 2.232 người giúp việc và 615 vũ nữ. Vua Jayavarman VII đã cho xây đền này để thờ tổ tiên, sai đúc 260 bức tượng, dựng 39 ngọn tháp, 566 khóm nhà bằng đá, 286 ngôi nhà bằng gạch.

3.140 làng và 79.365 người phải hàn hạ và cung cấp cho đền. Đền có tới năm tấn đĩa chén bằng vàng, 512 giường, 523 cái lọng; ngọc trai đếm được trên bốn vạn viên, kim cương 35 hạt, ngọc thạch 4.540 viên. Không hiểu dân Miên hồi đó được nửa triệu người không mà phải chịu cái gánh nặng dường ấy!

DÈN
BANTEAI – KDEI
(Thành trì các phòng nhỏ)
HÒ SRAH SRANG

Ở đền Ta Prohm ra, chúng tôi lại đến Banteai – Kdei, kiến trúc như hết đền trên. Trước mắt cửa đông là một bệ đá rộng chừng vài chục thước, hai bên có tay vịn chạm hình sư tử và rắn thần.

Bệ đưa xuống một cái hồ một chiều 300 thước, một chiều 700 thước, bốn bề làng xóm đông đúc. Hồ tên là SRAH SRANG (chỗ tắm của nhà vua).

Tới đó thì đã thấy hai anh Th và T ngồi đợi.

Bốn anh em đương nằm dài trên bệ đá, gói đầu vào cánh tay, nghe gió thổi trong lá thì bỗng có tiếng gọi:

- Lục, lục (ông, ông)

Nhóm cả dậy. Một người Miên đứng dưới bệ nhín lên, gọi chúng tôi. Anh Th hơi biết tiếng Miên, nói chuyện với người đó trên một phút. Khi anh vừa ngừng, chúng tôi đồng thanh hỏi:

- Cái gì vậy, anh?

Vì nhớ tới những vụ cướp xảy ra mấy tháng trước.

NGUYỄN HIỀN LÊ

- Có lẽ nguy hiểm. (Cây này anh Th nói bằng tiếng Pháp).
- Tại sao?

Anh không đáp, quay đi, nói chuyện với người Miên. Một lát anh lại ngừng, chúng tôi lại hỏi:

- Có gì không

Anh suy nghĩ, không đáp, lại tiếp tục hỏi người Miên. Chúng tôi nhìn chăm chăm người này: mặt y hiền lành thân thiện, nhưng chúng tôi vẫn phập phồng, giật mình là không biết tiếng Miên.

Một lát sau, tôi nghe y nói:

- Bạt, bạt ... (phải, phải)

Luôn bón, nǎm tiếng, vừa nói vừa gật đầu.

Rồi anh Th quay lại, cười vang lên:

- Có gì đâu, nó tưởng mình là ông thú y D, muốn mới về nhà chơi. Tôi giàngh, nó hiểu rồi. Mới đầu nó nói những tiếng gì, mình chỉ hiểu được là “về nhà, về nhà” tưởng là cướp mà hoảng.

Sau câu chuyện đó, chúng tôi mò thức ăn. Nước vỗ nhẹ ở dưới chân, gió vi vu trên đầu, lại thêm những câu chuyện vui bên Lào của ông Th. Đã lâu mới được ăn một bữa cơm giữa trời thú như vậy.

Nghỉ ở Srah Srang một giờ rưỡi. Một giờ chiều chúng tôi bắt đầu đi vì chương trình buổi chiều còn nặng. Rừng vắng tanh. Đường thăm thẳm dưới hai hàng cây cao. Thỉnh thoảng một con khỉ đánh đu trên cành tò mò nhìn chúng tôi qua.

ĐÈN	Một lát sau chúng tôi thấy hai chiếc xe lôi đậu ở dưới chân đèn
PREYD – RUP (Lật xác lại)	Prey Rup (tiếng Miên nghĩa là lật xác người chết lại, một lễ nghi trong lúc hoả thiêu).

Tương truyền hồi xưa có một ông vua Miên rất thích trồng được một thứ dưa rất ngon, muốn ngăn kẻ trộm, ra lệnh cho người làm vườn giết những kè đêm tối lòn vòn chung quanh vườn. Một đêm nhà vua thèm dưa, vi hành tới vườn, người làm vườn tưởng là kẻ gian phi, hạ sát ông. Đèn Prey Rup này để kỷ niệm ông vua đó.

Trèo lên đèn, chúng tôi thấy bốn người Bắc đương ngắm cảnh. Chúng tôi chào nhau.

Kiến trúc đều phảng phất như đền Ta Keo. Có ba tùng, tùng dưới sáu tháp, tùng giữa ba tháp, tùng trên một tháp. Các tháp đều gom lại ở trên một bệ cao nên có vẻ hùng vĩ mà vẫn xinh.

Đặc sắc của đèn là xây toàn bằng gạch, dày hơn gạch ta, màu đỏ tươi, nung rất kỹ, cạnh góc chưa hề sứt sờ. Ông Groslier bảo hồ để xây tường là một chất nhựa lấy ở cây, tốt như xi-măng.

Tháp tựa như tháp Chàm. Ngọn trên cùng lộ thiên, có hai vị thần, một cao, một thấp. Trước tháp, ở giữa một sân gạch, có một cột đá tròn, cao độ thước rưỡi, tượng trưng khí dương.

Từ Prey Rup đi Ta Som, đường băng qua hồ Ba-rai đông (hiện đã cạn, thành ruộng) và ngang đền Mé-bon đông, tựa như đền Prey Rup, nhưng nhỏ hơn. Chúng tôi rẽ vào coi qua đền Ta Som. Đền cũng hoang vu như đền Ta Prohm, không có gì đặc sắc.

NEAR PEAN

(Rắn cuốn mình)

Chúng tôi nghỉ hơi lâu ở Neak Pean. Đây không phải là một đèn mà là năm cái hồ, cái lớn nhất ở giữa, - mỗi chiều chừng tám chục thước – bốn cái nhỏ - mỗi chiều bốn chục thước - ở chung quanh. Hồ xây bằng đá, sâu độ bốn thước, nay cạn.

Giữa hồ lớn nổi lên một cái tháp nhỏ, chạm hình súc vật. Một cây nhô rủ cạnh trên ngọn, cho ta cảm giác đứng trước một núi non bộ.

Người ta nói hồi xưa hồ hứng nước nhiều ôn truyền ở chung quanh, nên dùng để tắm những người mắc những chứng bệnh nào đó. Theo Delaporto thì hồ xây để thờ Phật khi Ngài đã nhập niết bàn và để các nhà tu hành gội hết bụi tràn mà tiến trên đường đạo. Nước ở hồ giữa khi nào nhiều quá sẽ chảy qua bốn hồ chung quanh do một lỗ đục trong bụng một con voi đá, đuôi ở hồ lớn, vòi ở hồ nhỏ.

Tôi tưởng tượng hồi xưa, mây ngủ sắc chiếu lên, cây chung quanh rủ xuống, mặt hồ đẹp biết bao, nhất là những ngày lễ, thiếu nữ Miên, xiêm y sắc sỡ lại đây cúng Phật, cảnh càng thêm linh động, diễm lệ. Ý nghĩ xây năm cái hồ này kể cũng tân kỳ.

ĐÈN

PRAK HAN
(Gươm thần)

Bờ đèn Krol Kô ở trước mặt Neak Pean, bờ đèn Banteai Prei cách Neak Pean độ hai cây số, chúng tôi ngừng lại ở đèn Prak-khan. Đèn này phảng phất như đèn voi phục ở Hà Nội. Cũng có một lối ra vào, dài 300 thước, thăm thẳm giữa hai hàng cây càنه lá xum xuê và lè kè, mọc bên bờ nước. Nhưng chu vi rộng hơn nhiều: mỗi chiều khoảng 800 thước, bề mặt 56 mẫu tây. Đèn cũng do vua Jayavarman VII xây cất để thờ cha mẹ. Xưa đèn có 515 pho tượng, một đường đường, một trạm nghỉ. Số người phục vụ nom mười vạn, trong đó có 1000 vũ nữ.

Ở cửa đông vào, thấy hai bên hai dãy chúc dài (trụ đèn) bằng đá cao hơn đầu người, rồi tới hai dãy thần đỡ con Naga. Cảnh hùng vĩ, kỳ thú và chưa vào đèn, ta đã có cảm tình với đèn.

Kiến trúc cũng như đèn Ta Prohm nhưng lớn hơn và đẹp hơn.

Ta đi giữa hai hàng cột đá, ngừng lại ở “hành lang mặc tường” mà trên tường chạm không biết bao nhiêu phật tinh toạ trên toà sen. Ánh nắng xé xé lọc qua cành lá, toả trên rêu, phản chiếu lại, xanh dịu tường đâu như nhuộm một màu ngọc thạch huyền ảo.

Ta thấy nơi này khác xa thế giới ở ngoài và tường tượng cảnh những ông lục xưa thiền định ở đây, trong ánh sáng đó và trong hương trầm.

Qua “hành lang mặc tường” bước vào “hành lang ca vũ” chạm hằng trăm vũ nữ múa theo nhợp đòn. Nét chạm tinh vi làm sao: dáng điệu rất mềm mại, thở thịt rất rõ rệt, thân thể dãy đà mà không khô, miệng tươi mà đa tình. Xưa những hình đó đều dát vàng dát ngọc, và dưới ánh sáng lung linh của hằng trăm ngọn nến, những hình đá đó hoá ra linh động, cùng hòa một khúc với các nàng “mái” của nhà vua.

Ngoài hai hành lang đó ra, đèn còn một đặc sắc nữa là có hai dãy tò vò như trong một giáo đường La-mã.

Một vài cây, thân thẳng tắp, vỏ trắng bệch, mọc ngay ở bên, không làm cho nơi âm u đó thêm sáng, thêm vui mà chỉ làm cho thêm lạnh, thêm ghê. Màu trắng vỏ cây đó ở đây sao có vẻ nhợt nhạt như da người chết!

MỘT CHỦ
QUÁN BÁC

Ở cửa tây đèn Prak khan chúng tôi đi thẳng lại cửa bắc thành Angkor Thom. Gần tới thì gặp bốn người lính Miên deo súng đi tuần.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Xe chạy thẳng xuống phía nam, qua bệ Voi và đền Bayon mà chúng tôi đã coi ban sáng, lướt chân núi Ba khang rồi đậu lại trước cửa đền Angkor Vat.

Lúc ấy đã bốn giờ chiều. Hai anh Th và T đã mệt vì đạp xe máy trên bốn chục cây số. Chúng tôi vào nghỉ trong một quán cơm gần đó.

Tôi gọi đồ giải khát. Chù quán quen miệng đáp”

- Bạt, lục (Thưa ông, Vâng)

Ông ta người Hải Dương, lập nghiệp ở đây đã trên hai chục năm; đầu lơ thơ vài sợi tóc, cặp mắt ti hí, để râu mép như Quan Công, mặt chảy ra, nhờn nhữngh mồ, hoàn toàn là một Huê kiều Quảng Đông. Có lẽ người ta chịu ảnh hưởng của đất nước không nhiều bằng chịu ảnh hưởng của nghề nghiệp.

Ăn vài chiếc cuốn bì rồi chúng tôi đi coi công trình tuyệt đỉnh của kiến trúc Cao Miên.

CHƯƠNG SÁU

ANGKOR VAT

(CHÙA MÀ LÀ ĐÔ THỊ)

VÀI CẢM TƯỞNG
CỦA TÔI VỀ
KIẾN TRÚC
CAO MIÊN

Những sách chỉ dẫn mà tôi đã được đọc như cuốn *Angkor* của Groslier, bộ *Guides* của Marchall, cuốn *Guide* của Grolier đều tâ tĩ miêu tả những đền Đế Thiên Đế Thích, nhưng không cuốn nào cho tôi biết đại cương về sự tiến hoá hoặc biến chuyển của khoa kiến trúc đó, vạch cho tôi những giai đoạn mà nhà kiến trúc Cao Miên đã qua để đi tới giai đoạn Angkor Vat, phân tích những đặc điểm của từng giai đoạn một.

Chúng tôi không phải là nhà khảo cổ, lại đi coi rất vội trong có một ngày, mà mới coi được mười hai đền, nhận xét chắc chắn là có chỗ nồng nỗi, nhưng cảm tưởng ra sao, xin ghi lại dưới đây, chẳng qua chỉ để gợi óc so sánh của độc giả, biết đâu chẳng có vị tò mò, tìm kiếm thêm mà hiểu rõ kiến trúc Cao Miên hơn.

Chúng tôi nhận thấy rằng những đền Đế Thiên Đế Thích cắt theo bốn kiểu:

1) Kiểu thứ nhất gồm những đền như Ta Prohm, Bantean Kdei, Ta Som, Prak khan (đẹp nhất là đền Prak khan). Những đền này có tường hay hào ở chung quanh. Nền thấp. Có hai lối đi thăm thẳm từ hai cửa đông và tây đưa vào, có một dãy phòng ở giữa và nhiều dãy phòng đưa qua hai bên tả, hữu.

2) Kiểu thứ nhì gồm những đền như: Bakheng, Ta Keo, Prey Rup, Mebon đông (đẹp nhất là Prey Rup). Nền rất cao (thường cắt trên ngọn đồi, có ba tảng, có bậc thang đưa lên, trên những tảng đó có tháp, càng lên số tháp càng ít, tới ngọn thì chỉ còn một tháp).

Kiểu này đẹp hơn kiểu trên; tuy đền không rộng nhưng cao, gom lại, có vẻ uy nghi, mạnh mẽ.

Những đèn cát theo kiều thứ nhất phảng phất như đèn của ta; của Tàu, còn những đèn cát theo kiều thứ nhì giống đèn của Chàm.

3) Kiều thứ ba gồm những đèn như Phiméanakas, Bapoun, Bayon (đẹp nhất là Bayon). Nếu cũng cao nhưng không cát trên đỉnh núi. Có ba tầng, hai hay ba dãy hành lang đi suốt bốn mặt, giữa hai hành lang có một khu sân hẹp. Tại góc hoặc giữa hành lang có tháp và ở giữa đèn có một tháp cao, lớn, đẹp hơn cả.

4) Kiều thứ tư là Angkor Vat, tập thành ba kiều trên. Cũng có tường, hào ở chung quanh, cũng có những lối thăm thăm đưa vào đèn như kiều thứ nhất, cũng có nền cao, ba tầng và nhiều tháp như kiều thứ nhì và cũng có ba dãy hành lang bao bọc bốn phía như kiều thứ ba.

ANGKOR VAT Hết thảy những đèn khác đều quay về hướng đông, duy Angkor Vat quay về hướng tây. Người ta nói do địa thế bắt buộc đèn không thể cát ở phía tây đường được vì phía đó đất lầy, mà phải quay mặt ra đường (đường này xưa vẫn có), cho nên phải hướng về phía tây.

Vua Jayavarman II đã cho khởi công ở đầu thế kỷ XII ở trên một khu đất dài 1.500 thước, rộng 1.300 thước, rộng khoảng 200 mẫu tây. Mất 60 năm mới xong. Đèn là nơi thờ phụng ông và hình như xưa có chứa di hài ông.

Vì lẽ đèn hướng tây và đẹp nhất, nên chúng tôi để lại sau cùng cái thú ngắm nó. Phải đợi buổi chiều mới thấy điệu của ánh tà dương trên những cột và hành lang bằng đá. Chúng tôi tới cửa đèn hồi bốn giờ rưỡi chiều.

Đứng ở đường nhìn vào không thấy gì đẹp cả. Nhà kiến trúc vô danh muốn giấu viên ngọc trong cái vỏ tầm thường chăng? Sau khi đã coi những Bệ Voi, những đèn như Bayon, Bapoun, thì bức tượng dài một cây số này ở giữa có đục cửa, mặc dầu hùng tráng, cũng không cho ta thêm một cảm giác gì mới.

Nhưng khi ta đã qua cái hào rộng trên 200 thước mà lục bình như muôn giữ mây chiều ở trên nước, vừa bước tới cửa tây thì ta thấy có cái gì đè nặng lên tâm hồn ta.

Tôi nhớ lần đầu tiên đi thăm núi Hùng, vừa qua một khúc đường cong, bỗng thấy núi cao và rậm, sừng sững dựng ngay trước mặt như đế án đường, tôi cũng có cảm giác như vậy. Lần này cảm giác mạnh hơn. Tôi không phải đứng trước một công trình kiến trúc nữa mà hình như đứng trước một sức mạnh thông minh, uy nghiêm, cao cả, muôn thống trị tôi.

Nhưng khi phân tích ra thì tôi không thấy được nguyên nhân. Cao thì không cao, còn kém Bayon. Rộng tuy có rộng, nhưng không bằng Bệ Voi. Rất cân đối, rất điều hoà. Hàng triệu phiến đá đó (một nhà khảo cổ tính rằng cát đèn này mất 22.000 thước khối đá) chỉ hợp thành một khối để diễn tả một ý tưởng hùng diễm. Ở đây ta thấy rõ một bộ óc chỉ huy tất cả, không như ở Bayon mà bệ hẹp quá, tháp lại cao quá, như có sự tranh giành của hai, ba ý tưởng.

Ta từ từ tiến vào, nhẹ bước trên con đường rộng hai chục thước, lát toàn đá lớn, và dài năm trăm thước, đưa từ cửa ngoài đèn bệ của đèn; tuy bước mà mắt vẫn dán vào ngôi đèn như bị thôi miên, không chú ý tới hai toà thư viện và hồ vuông ở bên đường. Tôi đã hiểu tại sao một người đàn bà Mỹ thích cảnh này đến nỗi nguyện khi chết đi, được hỏa thiêu rồi di hài được vãi trên con đường lát đá này. Di chúc đó đã được thực hành năm 1936. Di hài củ bà ta chắc còn vương dâu đây, trong những kẹt đá ở chung quanh tôi.

Ta đã tới bệ. Bệ không rộng nhưng chẽm chẽ, quý phái. Ta trèo lên, quay lại, nhìn con đường hun hút mới qua, thăm thăm giữa hai tay vịn, chói lọi dưới ánh chiều.

Ta nhìn vào đèn; một hàng cột dài hai trăm thước, nửa sáng nửa tối, và một hàng bóng xiên xiên, song song nằm trên hành lang. Ta ngừng lên, ba ngọn tháp chõ trắng, chõ xám, cổ kính in trên nền trời xanh thăm. Ta thấy chói và ngợp.

Rồi tiến vào, qua hành lang thứ nhất, tới một khu sân, ngừng lên, ngọn tháp càng cao, cảnh càng tĩnh mịch, bóng các hàng cột có vẻ u huyền kỳ dị, làm tim ta thắt lại.

Dừng ở sân này ngó ra ngoài thấy mấy ngọn thốt lốt ló lên khỏi dãy hành lang thứ nhất. Ta muốn chặt những cây đó đi. Không ở đâu cây lại có hại cho cảnh bắng ở đây. Cảnh ở đây khác với thế giới ngoài xa quá. Nhìn chung quanh chỉ có đá và bóng tối, nhìn lên trên chỉ có trời xanh và mây trắng, ta tưởng như đã gần trời, đã cách biệt hẳn với thế gian, trút hết được những thị dục của ta mà thông cảm với các vị tinh tú đêm đêm sẽ tới thăm ta trên khoảng thăm thẳm kia, cho nên ta thắt vọng khi thấy mấy tàu thốt lốt đó. Lần đầu tiên ta ghét loài thảo mộc, nó làm hỏng cả một cảnh.

Lại leo lên hai chục bức đá nữa, qua dãy hành lang thứ nhì. Càng vào sâu, càng lên cao, bóng tối càng đè ta, tháp càng như vươn lên. Mỗi bước đưa ta vào một thế giới khác.

Tới sân thứ nhì ta rùng rợn khi thấy một cầu thang bằng đá sừng sững ngay trước mặt, dốc ngược xuống, bức rất nhiều và hẹp. Nhưng tháp ở trên kia quyền rũ ta, không thể không leo được. Ta vòng qua bên trái, chỗ này một người đàn bà đã trượt chân té bể sọ, cho nên trường Viễn đông đã xây một bức bằng xi-măng có tay vịn. Phải bấu chặt vào tay vịn, chân đặt nghiêng, dò dò từng bức, mắt không dám nhìn lên mà cũng không dám đưa xuống. Ta vừa trèo vừa đếm ba mươi tám bức. Tới bức chót, ta thở một cách nhẹ nhàng, và ta ngồi nghỉ một chút cho tim bớt đậm.

Ta đã ở trong một hành lang nữa, bên một cái hồ cạn dưới chân ngọn tháp cao nhất có bốn điện hướng về bốn phương trời. Ta từ từ bước vào, thấy mờ mờ tượng phật.

Ai thiếu lòng tin nhất tới đây cũng phải mất cả lý trí không suy nghĩ gì được nữa, hoàn toàn bị tôn giáo cảm kích vì sức mạnh vô cùng của nó.

Ta mau mau lùi ra. Đứng ở góc hành lang kia thấy dễ thở hơn. Nhìn cái hòm giữa hai cột đá, ta tưởng tượng những khi hòm đầy, bóng tháp và cột chiếu xuống nước long lanh ánh trăng, cảnh huyền ảo làm sao! Lại một góc khác, nhìn xuống sân ở dưới xa, vàng vàng một màu cỏ úa, và rừng ở chung quanh, âm u, xanh thăm, ta thấy vui vui. Lúc này ta lại yêu cây cỏ, lại thích đón gió mát trên ngàn đưa về vì óc ta đã mệt sau khi bị kích thích quá mạnh.

Ta xuống ba mươi tám bậc thang hồi nãy, đi chung quanh hành lang ở tùng nhì: hảng chục tượng phật bằng gỗ sơn xép thành hàng, mặt trái xoan, nét rất thanh.

Ta xuống một cầu thang nữa, tới hành lang thứ nhất dài hai trăm thước một chiều mà chạm cao đến hai thước tính ra có tới non hai ngàn thước vuông đá chạm. Có đủ cảnh: cảnh thiên đường, cảnh địa ngục, cảnh trần gian, cảnh giặc giã, cảnh cung điện với các vũ nữ, cảnh thần Vichnou khuấy biển cho thành súra,... Biết bao nhiêu kiều áo, kiều xe và biết bao nhiêu loài vật kỳ dị! Không một nét nào không sắc. Có chỗ tay người sờ nhiều quá, bóng tựa sành. Thật là cả một pho sứ bằng đá: sứ các triều đại, sứ tôn giáo, sứ văn minh, sứ vạn vật.

Ở hành lang thứ nhất này có một phòng rất lạ; hẹp chừng một thước mỗi chiều, nhưng cao. Đứng giữa phòng đó đầm vào ngực, ta sẽ nghe có tiếng vang tựa tiếng chuông văng vẳng từ xa lại, nhưng nói lên thì không có tiếng vang.

Coi hết dãy hành lang này, chúng tôi ra góc tây bắc ngồi nghỉ, mặt trời đã xuống gần đèn ngọn tháp ở cửa tây, trời vẫn một màu xanh ngắt, hành lang phía bắc nhuộm một màu vàng nhạt, một hàng thốt nốt cao như hàng cột dựng song song ở ngoài. Trước cảnh tĩnh mịch của buổi chiều, bên một khu rừng đều hiu, tôi tưởng tượng một đêm kia, cách đây non tám thế kỷ.

MỘT
ĐÊM TRĂNG Quốc vương Cao Miên Jayavarman VII sau khi thắng được Chiêm thành, làm lễ bốn vị thần ở Angkor Vat rồi mở cuộc ca vũ trên bệ

trước đền thành Angkor Thom, đêm đó náo nhiệt lạ thường, mấy chục năm chưa từng thấy. Tiếng giã gạo, xay lúa, dệt cửi tắt hẳn, nhường cho tiếng cười, tiếng hát, tiếng trống, tiếng chiêng. Trai gái già trẻ quần xiêm rực rỡ, mớ tóc loang loáng dầu dừa, tay bụng âu đồng lắp lánh, dắt dúi, chen chúc nhau vào cửa đền, đứng chật cả sân. Nhiều kè leo lên cây, lên bức tượng chung quanh, ngồi xổm, mắt chăm chú nhìn vào bệ.

Một khúc nhạc vừa bắt đầu nỗi thì họ im bặt như có lệnh của Thượng Đế. Nhà vua đội mũ mười chín tùng dát ngọc ở trong đền từ từ bước ra, ngự trên chiếc ngai vàng, cùng quì xuống một lượt.

Bao nhiêu đuốc bỗng tắt. Chỉ còn ánh trăng long lanh trên những mũ và xiêm dát vàng, dát ngọc của sáu trăm vũ nữ.

Nhà vua giơ tay lên ra hiệu. Cả đoàn vũ nữ lùi ra, chia làm năm bọn như đoá hoa nở ra năm cánh, rồi khi một khúc nhạc du dương nỗi lên, quyến lấy những tâm thân đãy đà nhưng vô cùng mềm mại đó thì một ngàn hai trăm bàn tay xoà ra một lúc. Họ bắt đầu múa. Ta chỉ còn thấy một viên kim cương vĩ đại lăn chuyền dưới ánh trăng vàng vặc, chiếu ra hằng triệu tia sáng lung linh của đủ các thứ ngọc ở Xiêm, Lào, Pailin, tiết ra một mùi hương ngan ngát của các thứ trầm quý nhất ở Mã Lai, các thứ hoa thơm nhất trong miền Siemreap.

Hàng vạn cặp mắt không chớp, hàng vạn bộ ngực nín thở. Rồi một giọng hát từ trong sáu trăm miệng hoa thốt ra. Khi như bay vút lên cung trăng, khi như quyến luyến trong cành lá.

Trong khi ấy thì ở hồ Srah Srang, hồ Ba rai đông và tây hằng trăm chiếc thuyền sơn son thếp vàng, chặng đèn hai bên, đương lượn trên làn nước phẳng lặng; và ở trong các đền Ta Keo, Ta Prohm, Banteai Kdei, Pré-up, Mébon, Ta Som, Prak-Khan, ... giọng tụng kinh của hằng vạn ông lục làm vang động cả rừng thẳm.

Cả kinh thành Angkor Thom đêm nay ca khúc khải hoàn.

SỨC MẠNH
CỦA
TÔN GIÁO

Tôi muốn ngồi đây nhìn cảnh mặt trời lặn nhưng mấy anh bạn giục tôi về vì đêm tối, miền này nguy hiểm.

Qua hai toà thư viện, gặp hai ông lục tiến vô đèn, mắt thăm thẳm giáng xuống đất, bình bát ở bên sườn. Họ bước như những cái bóng, im lìm. Họ có nhìn thấy chúng tôi không?¹

Họ nghĩ gì? Những buổi hoàng hôn, những lúc bình minh, những khi gió thổi trong rừng hoang hoặc trăng mọc trên ngọn tháp, họ nghĩ gì? Nhớ gì, mong gì? Hằng triệu phiến đá kia nhủ họ những gì? Những phiến đá mà tổ tiên họ đem hết cả tinh huyết ra chạm trổ sau khi chờ từ dãy núi Kulen về, dãy núi mà nay đã nằm ở bên kia biển giới mới? Gió thì thầm gì với họ? Họ, giòng giỗi của một dân tộc mà toàn thể theo đạo, một dân tộc nghệ sĩ đã để lại công trình không tiền khoáng hậu đó?

Nhớ những ngày tết của họ - vào tháng tư dương lịch – hết thảy dân gian đều vào chùa ở luôn ba bốn ngày tụng kinh niệm phật, tiếng mõ vang cả trong nước; nhớ một vụ xảy ra năm trước ở Nam Vang, hết thảy các ông lục ở Cao Miên về kinh đô để xin cho một ông lục khôi bị người Pháp xử tội đã làm cho cả xứ sôi nổi, nhiều người Pháp bị thương; rồi trông đèn Bantéai Kdei; Ta Prohm, Prak Khan, Neak Pean, Ta Som, Krol Ko, Ta Nei, Bantéai Chmar, Vat Nokor ở Kompong Cham, vô số đèn nhỏ khác trên khắp xứ, cả trên con đường lên Lào, ra Chiêm thành; ngoài ra ông còn cất 121 cái sala làm trạm nghỉ cho kè hành hương và 162 đường đường nữa. Chưa có ông vua nào mà xây cất nhiều như vậy, mà Cao Miên thời đó như khoác một khăn phủ ren bằng đá.

Đường xá rất mờ mang; cứ 12 hay 15 cây số lại có một nhà trạm. Đường đường tổ chức rất đàng hoàng; mỗi nơi có hai vị lương y, tám người đàn bà giúp việc, hai người giữ kho, hai người bếp, sáu mươi tám người lao công, mười bốn y

¹ Chúng tôi xin nhắc lại: tập du ký ngày viết năm 1943

NGUYỄN HIẾN LÊ

tá. Mỗi năm ba lần, triều đình lấy trong kho ra cấp cho mỗi nơi đủ thứ: mật, đường, mè, các đồ gia vị, quê, dấm,... tính ra mỗi năm cơ quan y tế dùng tới trên 11 tấn gạo, trên 2.000 ký mè, non 2.000 hột thuốc trị bệnh trĩ, 105 ký bạch đậu khấu, 48.000 liều thuốc trị rét.

Một tấm bia ghi rằng: “Nhà vua đâu khổ về những bệnh của thần dân hơn là về bệnh của người. Người cầu nguyện cho mọi sinh vật thoát khỏi biền trั̄m luân”, không biết ông có chịu ảnh hưởng của bà vợ sau không. Hai là ông ân hận đã bắt dân chịu biết bao nỗi làm than đẻ xây cất những đèn dài khắp nơi. Ông Coed efs trong cuốn *Pour Mieux Comprendre Angkor* viết:

“Phải tưởng tượng đám đông người thợ đục núi Kulen, đám lao công chờ những khối đá thạch lớn, đám thợ nề sắp những khối đá đó lên, đám thợ chạm, khắc”.

CHƯƠNG BÁY

KẾT

Hai ngày sau về Sài Gòn, một người Pháp hỏi tôi:

- Tôi nghe nói muốn xét văn minh cổ của nước nào thì tìm những di tích về kiến trúc của nước đó. Một nước càng văn minh thì những công trình kiến trúc càng hùng diễm. Tôi đã đi từ Tây qua Đông, ở đâu lời ấy cũng đúng. Ở Âu có những phế tích của La Mã, Athènes, Cận Đông có phế tích của Ai Cập, Babylone, ở Viễn Đông này có Đế Thiên Đế Thích mà ở Trung Hoa và nước ông, tôi chưa thấy một phế tích nào khả quan cả. Vạn lý trường thành ư? Bảo đó là một công trình mỹ thuật thì cũng như khen chiến luỹ Maginot của chúng tôi là một kỳ quan vậy. Không! Đó là sự nghiệp của nhà binh, không phải là sự nghiệp của nghệ sĩ. Mà văn minh Trung Hoa rực rỡ có phần hơn văn minh cổ phương Tây chúng tôi nữa. Như vậy là nghĩa sao?

Tôi đáp:

- Ông nhận xét đúng. Nhưng nếu ông đọc sách của các hiền triết Trung Hoa, lại đọc qua sử của chúng tôi thì ông không còn ngạc nhiên nữa.

Triều đại nào chúng tôi cũng có ít nhiều công trình kiến trúc. Ông chưa được nghe đến tú đại khí của Việt Nam, tức tháp Báo Thiên cao bốn mươi thước, phật Quỳnh Lâm lớn hơn tượng Trần Vũ ở Hà Nội bây giờ, đình Phố Minh và chuông Quy Điền đều làm về thế kỷ XI. Ấy là chưa kể những cung điện lăng tẩm của các triều Lý, Trần, Lê.

Còn nói gì đến Trung Quốc nữa. Trong bốn ngàn năm, biết bao triều đại, biết bao công trình kiến trúc. Tôi đơn cử ra đây cung A Phòng xây đời Tần để ông rõ. Rộng trên 300 dặm, hai con sông chảy qua, 5 bước lại có một cái lầu, mười bước lại có một cái gác. Trong một ngày, trong một cung mà khí hậu không đều.

NGUYỄN HIỀN LÊ

Gương đẻ các cung tần trang điểm nhiều hơn sao; dầu sáp đồ đi chày thành suối; ngựa xe chạy vang như sấm,... Xây cung đó, nhà Tần đã đốn hết cây xứ Thục, một xứ xa xăm đầy rừng núi ở biên giới Trung Quốc. Đó là tài liệu chép trong bài *A Phòng cung phú* của Đỗ Mục, một văn sĩ đời Đường. Họ Đỗ tất nhiên có thêm thắt ít nhiều nhưng trên hai ngàn năm trước mà Trung Hoa đã có một công trình kiến trúc đại quy mô như vậy thì có kém gì Đế Thiên Đế Thích?

Vậy Trung Quốc và Việt Nam không phải là không có công trình kiến trúc, nhưng chúng tôi chịu ảnh hưởng của Nho giáo, không lấy sự nghiệp đó làm vinh hạnh.

Chu Bá Lư trong bài *Trị gia cách ngôn* có câu:

Chớ hao công cắt những ngôi nhà lộng lẫy.

Mạnh Tử nói một ông vua mà xây chuồng ngựa đẹp, nuôi ngựa béo trong khi dân gian đói rét thì cũng tức như xưa thú ăn thịt dân, ăn thịt con vạy.

Chi những hôn quân mới xây những cung điện tráng lệ để vui riêng một mình và những kè đó thịnh không lâu. Người đời sau thăm cảnh, không đứng vào phương diện nghệ thuật mà khen công họ, chỉ xét về phương diện đạo đức mà luận tội họ. Người ta nguyên rủa kè xa xỉ, phẫn uất lên, đốt hết cả những công trình kiến trúc đó.

Hạnh Võ đốt cung A Phòng đã mở đường cho biết bao sự tàn phá sau này. Vì vậy mà bây giờ không có đốt phá và sự tiêu diệt của biết bao quốc gia!

Những người sinh sau không biết noi gương kè trước cũng bắt dân xây cắt những lâu đài tráng lệ cho dân gian oán hờn đến nỗi sự nghiệp chốc lát mà tan tành, đã là ngu, mà kè đốt phá những lâu đài đó còn ngu hơn nữa.

Kè kia đã tồn bao công của đẻ tô điểm cho cảnh đa văn của tạo hoá thì ta cứ bảo tồn đi, du ngoạn đi, đốt phá mà làm chi? Sống sau họ hàng trăm năm, hàng ngàn năm mà được ngắm những cảnh họ ngắm, đứng những chỗ họ đứng, nghe

những tiếng họ nghe, đã không mất chút công của mà còn có những cảm giác sảng khoái của họ, lại được cười cái ngu của họ, chẳng thú lẩm ư?

Trung Quốc văn minh đã bốn ngàn năm mà bây giờ di tích của Nguyên, Minh không còn một tí gì, đừng nói đến Hán, Đường nữa. Họ thực khờ. Nước tôi cũng nhăm mắt theo họ cho nên di tích Lý, Trần, Lê không tìm đâu ra được cả. Thực đáng tiếc mà cũng đáng giận. Người phương Tây các ông biết bảo tồn Đề Thiên Đề Thích thực khôn hơn chúng tôi; và trong các công trình các ông lưu lại ở bán đảo này, có lẽ công trình của trường Viễn đông bác cổ là đáng kể hơn cả.

Tháng hai năm 1943.

PHỤ LỤC

**ÔNG VUA ANH DŨNG CUỐI CÙNG CỦA THỜI ĐẠI ANGKOR:
VUA JAYAVARMAN VII**

Lạ thay! Chính người Miên cũng quên lịch sử một triều đại rực rỡ nhất của họ, triều đại vua Jayavarman VII và trường Viễn đông bác cổ đã phải mất 40 năm sưu tầm, khảo cứu các di tích ở đền Ta Prohm, Prah Khan, Bantéai Chmai, Phiméanakas, cả Lào (gần Vieng Chan) ở Mi Sơn (Trung Việt) rồi mới lần lần về chép lại được đời của vị vua anh dũng nhất đó của Miên, vị vua đã mở mang đất đai Miên tới Lao, Chiêm thành, có lẽ tới cả Miên Điện nữa, làm cho đế quốc Miên chưa bao giờ rộng như hồi đó.

Tên ông có nghĩa là được thần chiến thắng che chở. Ông là dòng dõi của vua Sueyavarman II, người đã cho xây cất Angkor Vat.

Ông sinh vào khoảng 1120 – 1125, cưới nàng công chúa Jayarajadevi; sau một thời gian, ông đe vợ ở nhà, cầm đầu một đạo quân xâm chiếm Chiêm thành ở Vijaya (Bình Định ngày nay). Bà vợ ở nhà nhớ ông, khóc lóc, theo đạo Phật, suốt ngày cầu nguyện cho ông.

Trong khi ông ở Chiêm thành thì vua cha băng hà, Yacovarman lên nối ngôi, triều thần nổi loạn, tranh giành ngôi báu. Ông hay tin vội trở về nước, thì đã quá trễ, kẻ phản nghịch đã lên ngôi rồi. Ông phải nhẫn nhục chờ đợi thời cơ.

Năm 1977 vua Chiêm thành là Jaya Indravaiman đem chiến thuyền ngược sông Cửu Long, lên tới Biển Hồ, đánh úp Angkor, vua Miên thua, bỏ chạy. Jayavarman lúc đó mới lên ngôi ra tay cứu nước, đuổi được người Chiêm ra khỏi cõi sau một trận thuỷ chiến mà hiện nay tường đền Bayon và đền Bantéai Chmai còn ghi lại cảnh tượng.

Bốn năm sau, ông bình định được toàn cõi, xây dựng lại kinh đô. Một tấm bia ở tường thành Angkor Thom ghi lại rằng: “Kinh đô Yaco dharapura¹ như một thiếu nữ quý phái, vừa đôi phai lúa với ý trung nhân, lòng dục phơi phới, nữ trang là một cung điện đây ngọc thạch, y phục là những thành luỹ, làm lễ thành hôn với nhà vua để tạo hạnh phúc cho trăm họ ...”

Lên ngôi rồi ông luyện tập binh mã chờ dịp phục thù Chiêm thành. Năm 1990, ông sai sứ sang Việt Nam, lấy lòng vua Lý Cao Tôn để vua Lý trung lập, rồi ông xua quân qua Chiêm thành, có một hoàng thân Chiêm là Vidyanandana giúp sức. Hoàng thân này qua ở Miên từ nhỏ, ông thấy thông minh, tò lòng yêu mến và dạy cho cách cầm quân.

Jayavarman VII chiếm được kinh đô Vijaya (Bình Định), cầm tù vua Chiêm, chia Chiêm ra làm hai miền, một miền giao cho một người em vợ ông cai trị, một miền nữa (ở Phan Rang ngày nay) giao cho Vidyanandana.

Sự đỗ hộ đó không được lâu. Người Chiêm nổi lên giết em vợ ông mà Vidyanandana thông nhất được tổ quốc, không chịu phục tòng ông nữa. Tới năm 1203, Vidyanandana bị một người chú hay bác giết, Chiêm thành mới lại thành một thuộc địa của Miên 17 năm nữa.

Đồng thời Jayavarman VII cũng xâm chiếm Lào, tới Vieng Chan, theo sứ Trung Hoa ông tiến tới cả Miền Điện và bán đảo Mã Lai.

Thời đó là thời cường thịnh nhất của Miên, được các lân bang (như Việt Nam, Java) trọng.

Hoàng hậu mất, ông cưới người chị ruột của bà. Bà này học giỏi, văn hay, thảo nhiều bài bi ký lời rất tréo.

Năm 1201 ông còn ở ngôi, không rõ mất năm nào (có lẽ là năm 1219). Có người ngờ rằng về già ông bị bệnh hói và ông vua hói tức là ông. Điều đó chưa có gì chắc chắn.

¹ Tức Angkor Thom

Ông rất sùng mộ đạo Phật, phái đại thừa, cho xây cất rất nhiều đền: Angkor Thom với 12 cây số thành luỹ, và đền Bayon (Tượng Phật đền này có lẽ là tượng ông, ông tự coi như một vị Phật giáng sanh); rồi tới các tảng phiến đá mỏt, những đám người đông như kiến cỏ đó (...) bị bắt làm xâu để dựng lên những cung điện mà họ không được đặt chân vào (...) Toàn dân đều phải xây cất cho nhà vua! Năm 1191, mới lên ngôi được mười năm, chương trình chưa thực hiện được hết, mà theo lời chép trên bia ở đền Prah Khan, đã có tới 20.000 tượng thần bằng vàng, bạc, đồng đen, đá rải rác ở các tỉnh. Công việc thờ phụng dùng tới 306.372 người lao công ở trong 13.500 làng, mỗi năm ăn hết 38 tấn gạo. Rồi biết bao nhiêu của cải gom lại trong các đền: hàng ngàn ký vàng bạc; hàng chục ngàn viên ngọc..."

Về già, ông hấp tấp thực hiện cho xong chương trình, nên ta thấy nhiều ngôi đền xây cát cầu thả, đá cứ chồng phứa lên nhau, không cần xen kẽ cho vững, thiêu sa thạch thì thay bằng đá ỏ ong, chạm trổ vội vàng cho thành hình chứ không cần đẹp.

Vì vậy mà khi ông mất đi, người Xiêm qua đánh, dân chúng mệt mỏi, chán ngán, không muốn giao chiến nữa, mặc dầu bị triều đình bắt buộc cầm khí giới; và người Xiêm thắng một cách dễ dàng. Họ đem giáo lý tiêu thừa ra truyền bá thì người Miên hấp thụ ngay, vì giáo lý đó không bắt họ thờ nhiều thần, họ tránh được cái nạn đục tượng và đúc tượng, lại dạy họ tìm sự yên ổn trong xã hội, sự bình tĩnh của tâm hồn, những điều mà họ khao khát trong suốt đời vua Jayavarman VII. Có lẽ chính giáo lý tiêu thừa đó đã làm cho họ dễ suy, hết tinh thần chiến đấu, nên trải sáu thế kỷ sau, không lúc nào họ thịnh lại được như trong thời đại Angkor.

Không hiểu ngày nay họ cho Đế Thiên Đế Thích là một cái vinh dự hay một chương sử bi thảm của họ.